Quảng Trị

16

Tháng 10/2026

Cuối tháng

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

NÔNG NGHIỆP Xanh





Tận dụng rơm rạ làm nấm trong mô hình nông nghiệp xanh - Ảnh: **NGUYỄN HẢI**

Quảng Trị

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ



Thu hoạch cà phê ở Hướng Hóa - Ảnh: **H.H**

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
Đường Trần Quang Khải,
phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Email: baoquangtri@ gmail.com
Báo điện tử: www.baoquangtri.vn

Giám đốc
VÕ NGUYÊN THỦY

Phó Giám đốc
NGUYỄN HỮU TOÀN, CAO TRƯỜNG SƠN, NGUYỄN TÝ, NGUYỄN CHÍ LINH, LÊ VĨNH NHIÊN, NGUYỄN QUỐC NAM

Tổ chức sản xuất
PHAN ANH TUẤN, PHAN HOÀI HƯƠNG

Trình bày mỹ thuật
NGUYỄN HỮU HÙNG

Giấy phép xuất bản số 984/GP-BTTTT cấp ngày 30/6/2011 và Giấy phép bổ sung số 678/GP-BTTTT cấp ngày 7/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In tại Công ty Cổ phần In Quảng Bình.

Giá: 23.700 đồng

TRONG SỐ NÀY

Nông nghiệp xanh-Chiến lược phát triển bền vững	4
Chắp cánh cho du lịch	8
"Đặt hàng" từ đồng ruộng	12
Rừng trong phố	18
Hệ sinh thái 4F	22
Từ cánh đồng lớn đến vùng sản xuất xanh	26
SRI nâng tầm giá trị hạt gạo Lệ Thủy	32
Đất "trẻ lại", hạt gạo vươn xa	38
Hài hòa lợi ích giữa nông dân, doanh nghiệp, môi trường	42
Hương của đất, của cây và tình người	44



Nông nghiệp xanh
Chiến lược phát triển bền vững

Đồng chí Hoàng Nam, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Trị làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường - Ảnh: H.TR

Quảng Trị định hướng phát triển nông nghiệp xanh gắn với khai thác hiệu quả lợi thế từng vùng, nâng cao giá trị sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu - Ảnh: N.T.L

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 xác định nông nghiệp xanh là 1 trong 4 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh. Đây không chỉ là sự lựa chọn về phương thức sản xuất mà còn là định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng: Chuyển từ khai thác tài nguyên và gia tăng sản lượng sang nâng cao giá trị, hiệu quả và sức cạnh tranh. Với đặc điểm sản xuất còn phân tán, thường xuyên chịu tác động của thiên tai, Quảng Trị cần lựa chọn đúng lợi thế, tổ chức lại sản xuất theo nhu cầu thị trường, phát huy vai trò doanh nghiệp, hợp tác xã và bảo đảm người dân thực sự được hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi.

❑ HOÀNG NAM
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Trị

Hiểu đúng về nông nghiệp xanh

Nông nghiệp xanh không đồng nhất với nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao hay việc giảm sử dụng hóa chất. Đó là cách tổ chức phát triển hài hòa 3 mục tiêu: Tạo giá trị kinh tế, sử dụng bền vững tài nguyên và nâng cao đời sống người dân. Bản chất của chuyển đổi xanh không nằm ở công nghệ hiện đại đến đâu, mà ở hiệu quả sử dụng đất, nước, vật tư, năng lượng; chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; đồng thời là khả năng giảm thiểu những tác động bất lợi đến môi trường.

Theo đó, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp là thay đổi căn bản cách xác định hiệu quả. Hiệu quả không chỉ được đánh giá qua năng suất, sản lượng, mà còn phải tính đủ chi phí, giá trị gia tăng, thị trường đầu ra, lợi nhuận và khả năng chống chịu rủi ro. Một mô hình chỉ thực sự xanh và bền vững khi lợi ích kinh tế của người sản xuất không phải đánh đổi bằng suy thoái đất, nước, rừng và hệ sinh thái.

Đối với Quảng Trị, lựa chọn nông nghiệp xanh trước hết là quyết định chiến lược xuất phát từ điều kiện và giới hạn phát triển của địa phương. Khi quỹ đất sản xuất, quy mô canh tác và rủi ro thiên tai không cho phép cạnh tranh bền vững bằng mở rộng diện tích, tăng sản lượng đơn thuần, tỉnh phải tạo khác biệt bằng chất lượng, tính đặc thù và giá trị trên mỗi đơn vị tài nguyên. Đất đai, rừng, các vùng nguyên liệu và hệ sinh thái đa dạng là nền tảng để kết nối sản xuất với chế biến, dịch vụ và thị trường. Vì vậy, chuyển đổi xanh không chỉ là giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng sức cạnh tranh của nông sản mà còn góp phần tạo sinh kế ổn định, nâng cao chất lượng sống ở nông thôn.

Phát huy lợi thế, lựa chọn hướng đi phù hợp

Quảng Trị không có lợi thế đồng đều về sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Điều kiện đất đai, địa hình và khả năng canh tác khác biệt giữa các vùng; sản xuất hàng hóa, chế biến sâu và phát triển thị trường còn hạn chế. Nếu tiếp tục cạnh tranh chủ yếu bằng diện tích, sản lượng hoặc giá thấp, tỉnh khó tạo được vị thế bền vững trong chuỗi giá trị nông sản.

Tuy vậy, hạn chế về quy mô không đồng nghĩa với hạn chế về tiềm năng. Sau hợp nhất, Quảng Trị có khoảng 1,14 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó 206.090ha đất trồng trọt và 924.896ha đất lâm nghiệp; cùng các vùng nguyên liệu lúa, cao su, sắn, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, dược liệu và rừng trồng. Diện tích rừng lớn, hệ sinh thái đa dạng và giá trị cảnh quan, văn hóa bản địa tạo dư địa phát triển kinh tế lâm nghiệp, dịch vụ sinh thái và sinh kế cộng đồng. Vấn đề cốt lõi là xác định đúng lợi thế của từng tiểu vùng, thay vì áp dụng một mô hình phát triển

đồng loạt cho toàn tỉnh.

Định hướng chính sách vì thế không phải sản xuất nhiều hơn bằng mọi giá, mà tạo giá trị cao hơn từ nguồn lực hiện có. Với trồng trọt, ưu tiên chất lượng, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và sản xuất theo tín hiệu thị trường. Với lâm nghiệp, kết hợp quản lý rừng bền vững, rừng gỗ lớn, chế biến sâu và khai thác hợp lý các dịch vụ hệ sinh thái. Với chăn nuôi, thủy sản, chú trọng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, quản lý chất thải và nâng hiệu quả kinh tế. Mỗi ngành hàng cần được lựa chọn theo lợi thế so sánh, khả năng liên kết và nhu cầu thực tế của thị trường.

Như vậy, nông nghiệp xanh phải được đặt trong tổng thể cơ cấu lại ngành và tổ chức không gian phát triển: Lựa chọn đúng sản phẩm, đúng vùng, đúng quy mô, gắn khả năng thích ứng khí hậu với mục tiêu tạo ra giá trị kinh tế dài hạn.

Từ mô hình thực tiễn đến tổ chức lại sản xuất

Thực tiễn đã xuất hiện những tín hiệu tích cực. Đến tháng 7/2026, quy trình tưới khô xen ướt được triển khai trên gần 10.000ha lúa tại 24 xã, tiết kiệm 20%-30% lượng nước tưới và tăng năng suất khoảng 5%-8%. Toàn tỉnh có gần 1.500ha sản xuất được chứng nhận hữu cơ; lúa hữu cơ được bao tiêu với giá cao hơn thị trường 20%-40%. Trong lâm nghiệp, 58.747ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, góp phần nâng giá trị gỗ và khả năng tiếp cận các thị trường có tiêu chuẩn cao.

Công nghệ, kinh tế tuần hoàn và liên kết sản xuất cũng từng bước phát huy hiệu quả. Thiết bị bay không người lái được sử dụng trên hơn 22.000ha lúa; phụ phẩm cà phê được tận dụng làm phân hữu cơ; diện tích sản xuất theo chuỗi liên kết đạt trên 20.700ha. Những kết quả này cho thấy chuyển đổi xanh có thể đồng thời giảm chi phí, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao chất lượng và cải thiện giá trị tiêu thụ, chứ không nhất thiết làm tăng gánh nặng chi phí cho người sản xuất.

Tuy nhiên, thành công của từng mô hình chưa đồng nghĩa với chuyển đổi thành công của toàn ngành. Vùng nguyên liệu còn phân tán, liên kết chế biến và tiêu thụ thiếu ổn định, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn thị trường chưa đồng đều. Điểm nghẽn lớn nhất không chỉ ở kỹ thuật canh tác mà còn ở năng lực tổ chức sản xuất và phân chia lợi ích trong chuỗi giá trị.

Do đó, trọng tâm chính sách phải chuyển từ hỗ trợ mô hình riêng lẻ sang kiến tạo hệ sinh thái sản xuất theo chuỗi, có vùng nguyên liệu, doanh nghiệp dẫn dắt, tiêu chuẩn chất lượng và thị trường đầu ra. Nên ưu tiên những ngành hàng có lợi thế và triển vọng gia tăng giá trị như lúa chất lượng cao, cà phê, hồ tiêu, dược liệu, sản phẩm lâm nghiệp và thủy sản; không đầu tư dàn trải theo phong trào.

Để thực hiện, cần thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai trên cơ sở bảo đảm quyền lợi người sử dụng đất; phát triển vùng nguyên liệu gắn với cơ giới hóa, bảo quản và chế biến. Việc thu hút đầu tư phải chọn doanh nghiệp có năng lực về công nghệ, tài chính, tổ chức thị trường và cam kết liên kết lâu dài với người sản xuất. Hạ tầng chế biến, logistics cần được bố trí theo nhu cầu từng vùng, tránh đầu tư thiếu đồng bộ. Cửa khẩu, cảng biển và Hành lang kinh tế Đông-Tây mở ra cơ hội tiếp cận thị trường, nhưng những lợi thế này chỉ trở thành lợi thế khi nông sản đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm truy xuất được nguồn gốc và duy trì nguồn cung ổn định.

Trong mô hình đó, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, quy hoạch vùng sản xuất, đầu tư hạ tầng dùng chung và giảm rủi ro cho các chủ thể; doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị và thị trường; hợp tác xã là cầu nối tổ chức sản xuất; nông dân là chủ thể và người thụ hưởng. Chính sách phải khuyến khích hợp đồng minh bạch, phân chia lợi ích và rủi ro hợp lý, không để người nông dân đơn độc trước biến động thị trường.

Cùng với tổ chức lại sản xuất, cần ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số có chọn lọc, lấy hiệu quả đầu tư làm căn cứ; ưu tiên thủy lợi thích ứng khí hậu, hạ tầng vùng nguyên liệu, bảo quản và chế biến. Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp xã phải thực sự là nơi kết nối, hỗ trợ hợp tác xã và xử lý vướng mắc tại cơ sở; cấp tỉnh tập trung định hướng, điều phối nguồn lực và giám sát kết quả. Đào tạo nghề, phát triển kỹ năng quản trị và tạo việc làm phi nông nghiệp tại nông thôn cũng cần được coi là bộ phận của chính sách chuyển đổi xanh.

Lấy hiệu quả thực chất làm thước đo

Thước đo của nông nghiệp xanh không thể chỉ là diện tích hữu cơ, số mô hình công nghệ cao hay số chứng nhận được cấp. Hiệu quả cần được đánh giá thông qua những kết quả mà người dân và thị trường có thể cảm nhận được: Chi phí có giảm, lợi nhuận và thu nhập có tăng, đầu ra có ổn định, tài nguyên có được phục hồi, khả năng chống chịu thiên tai có tốt hơn hay không. Đó cũng phải là căn cứ để lựa chọn, điều chỉnh và đánh giá hiệu quả chính sách công.

Quảng Trị không cần chạy đua để trở thành địa phương có sản lượng nông nghiệp lớn nhất. Điều tỉnh cần là xây dựng một nền nông nghiệp có bản sắc, chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng cao, tạo giá trị gia tăng tương xứng với tiềm năng đất đai, rừng và nguồn lực đầu tư. Điều đó đòi hỏi sự nhất quán từ định hướng quy hoạch đến lựa chọn ngành hàng, phân bổ ngân sách, thu hút doanh nghiệp và tổ chức thực thi ở cơ sở.

Phát triển nông nghiệp xanh, xét đến cùng, là lựa chọn phát triển lấy con người làm trung tâm, lấy hiệu quả kinh tế và tính bền vững làm nền tảng. Khi nông dân có thể sống tốt hơn bằng nghề nông, doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn, cộng đồng nông thôn có thêm cơ hội và tài nguyên được gìn giữ cho thế hệ sau, nông nghiệp xanh mới thực sự khẳng định vị trí là 1 trong 4 trụ cột phát triển của Quảng Trị.



Trồng tiêu hữu cơ mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nông dân - Ảnh: M.L

Để nông sản hội nhập

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định phát triển nông nghiệp xanh là một trong 4 trụ cột kinh tế của Quảng Trị. Từ định hướng chiến lược này, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thiết thực nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ liên kết chuỗi giá trị. Các địa phương và doanh nghiệp (DN) cũng chủ động chuyển đổi tư duy, hướng dẫn nông dân thay đổi thói quen canh tác nhằm xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp bền vững, đa giá trị.

❑ LÂM THANH

Khi chủ trương đi vào cuộc sống

Với quyết tâm đưa nông nghiệp xanh trở thành trụ cột phát triển kinh tế, ngày 30/3/2026, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với cơ giới hóa, hiện đại hóa và phát triển vùng nguyên liệu theo định hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn và số hóa. Để hiện thực hóa chủ trương này, UBND tỉnh cũng ban hành chương trình hành động và các đề án về phát triển lúa hữu cơ gắn với liên kết theo chuỗi giá trị bền vững; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản đạt chuẩn; xây dựng kế hoạch sản xuất trồng trọt theo hướng giảm phát thải…

Hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện đã tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh trên địa bàn. Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường, toàn tỉnh hiện có gần 1.500ha diện tích trồng trọt được chứng nhận hữu cơ và hơn 1.000ha canh tác tự nhiên theo hướng hữu cơ. Năng suất lúa hữu cơ đạt 55-68 tạ/ha, mang lại lợi nhuận từ 20-30 triệu đồng/ha. Đặc biệt, quy trình tưới khô xen ướt (AWD) trên cây lúa được áp dụng với gần 10.000ha tại 24 xã, giúp tiết kiệm 20%-30% lượng nước và tăng năng suất từ 5%-8%. Mỗi ha lúa áp dụng AWD còn thu được 2-3 tín chỉ carbon chuẩn Gold Standard. Về thủy sản, toàn tỉnh có khoảng 2.100ha nuôi cá-lúa sinh thái, 8,25ha nuôi tôm VietGAP và 184ha nuôi tôm an toàn thực phẩm. Trong lĩnh vực lâm nghiệp, với hơn 773.000ha rừng và độ che phủ đạt trên 61%, Quảng Trị đã thu về hơn 402 tỉ đồng từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính (ERPA) với Ngân hàng Thế giới. Bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết: "Sản xuất nông nghiệp hữu cơ giúp giảm sử dụng vật tư hóa học, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái đồng ruộng, sức khỏe con người và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn từ 20%-30% so với sản xuất truyền thống".

Với hơn 60ha hồ tiêu đạt chứng nhận hữu cơ theo các tiêu chuẩn khắt khe của châu Âu, Mỹ và Nhật

Bản và sản phẩm đã xuất khẩu ra thị trường thế giới, các thành viên của Hợp tác xã Sản xuất, thương mại, dịch vụ Ông Voi (HTX Ông Voi), xã Cồn Tiên đã khẳng định được hướng đi bền vững cho vùng trồng tiêu địa phương. Kết thúc vụ thu hoạch năm 2026, HTX không chỉ thu mua 120 tấn sản phẩm cho thành viên với giá cao hơn thị trường từ 10%-12% mà còn phối hợp với Công ty TNHH Organics More-đơn vị liên kết tiêu thụ sản phẩm tổ chức cuộc thi "Vụ mùa hạnh phúc". Đây là sân chơi thiết thực, gắn phong trào thi đua lao động với thực tiễn sản xuất của nông dân.

Thông qua ba hạng mục gồm "Vườn hồ tiêu kiểu mẫu", "Khoảnh khắc mùa tiêu" và "Nông dân sáng tạo", cuộc thi đã khơi dậy tinh thần đổi mới; lan tỏa các sáng kiến về kỹ thuật ủ phân hữu cơ, giữ ẩm và chăm sóc vườn tiêu. Nhờ sự chia sẻ rộng rãi các video vườn mẫu lên mạng xã hội để bình chọn đã biến những mô hình quản lý vườn tiêu hữu cơ thành cẩm nang thiết thực cho các thành viên. Ông Lâm Công Phi, Giám đốc HTX Ông Voi, chia sẻ: Những thước phim chân thực do nông hộ thực hiện đã trở thành tài liệu kỹ thuật sinh động, dễ học tập, ứng dụng, góp phần lan tỏa phương thức sản xuất thân thiện với môi trường và phát huy tính sáng tạo của người dân.

Vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp

Thời gian qua, các địa phương đã chủ động hỗ trợ người dân chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, sự chuyển mình này sẽ khó bền vững nếu thiếu vai trò dẫn dắt của các DN trụ cột-những "nhạc trưởng" kết nối chuỗi giá trị từ sản xuất, ứng dụng công nghệ đến bao tiêu sản phẩm.

Điển hình như năm 2026, xã Đồng Lê là một trong hai địa phương trong tỉnh được Tập đoàn Quế Lâm lựa chọn triển khai mô hình Làng nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, ban đầu một bộ phận người dân ngại thay đổi, ít đăng ký tham gia mô hình. Sau nhiều lần chính quyền địa phương phối hợp với tập đoàn bồi dưỡng kiến thức và hỗ trợ tham quan học tập thực tế tại TP. Huế, đến nay có 17 hộ chuyển đổi sang chăn nuôi lợn hữu cơ. Ông Đoàn Mạnh Toàn, Phó Chủ tịch UBND xã Đồng Lê cho biết, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã xác định, nông nghiệp hữu cơ là một trong ba đột phá phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2025-2030. Vì thế, xã quyết tâm thực hiện đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, toàn xã có 551 mô hình trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ và theo hướng hữu cơ. Để đạt mục tiêu này, cần có sự đồng hành, hỗ trợ từ DN.

Đồng hành với tỉnh, Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (SEPON GROUP) cũng khẳng định vị thế trong thúc đẩy liên kết sản xuất hữu cơ. Ông Hồ Xuân Hiếu, Chủ tịch HĐQT SEPON GROUP, chia sẻ: "Người nông dân chỉ thực sự đồng hành với DN sản xuất hữu cơ khi thấy rõ hiệu quả thực tế của mô hình, đầu ra sản phẩm ổn định và thu nhập cao hơn sản xuất truyền thống". Từ đó, ông đề xuất cần đẩy mạnh tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ; xây dựng cơ chế phối hợp giữa Nhà nước-DN-HTX và nông dân để chuyển dịch từ cơ chế hỗ trợ nhỏ lẻ sang hỗ trợ phát triển toàn bộ chuỗi giá trị.

Bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết, thời gian tới, tỉnh Quảng Trị tiếp tục đẩy mạnh tích tụ đất đai, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn để thu hút đầu tư. Nguồn vốn đầu tư công sẽ ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ các dự án trọng điểm trong lĩnh vực nông nghiệp. Sở sẽ tham mưu ban hành các chính sách ưu đãi về vốn, đất đai nhằm khuyến khích DN tham gia chuỗi liên kết "4 nhà", góp phần đưa nông sản Quảng Trị tiếp tục hội nhập sâu vào thị trường và khẳng định giá trị bền vững của nền nông nghiệp xanh.

Theo định hướng của tỉnh, nông nghiệp xanh sẽ được triển khai trên 4 trụ cột chính: Trồng trọt giảm phát thải, an toàn, hữu cơ; chăn nuôi an toàn sinh học; thủy sản công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp xanh và nông nghiệp số chiếm 15%-20% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp; thu nhập trên 1ha đất canh tác ứng dụng công nghệ cao gấp 1,5 lần so với sản xuất truyền thống; tỉ lệ cơ giới hóa đồng bộ các khâu đạt từ 50% trở lên.



Vườn ươm mạ khay để sản xuất lúa hữu cơ của Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị - Ảnh: M.L

Chắp cánh cho du lịch



Du khách trải nghiệm Khe Sanh Coffee tour - Ảnh: NVCC

Ngoài những di tích, địa danh lịch sử, hang động kỳ vĩ... đã làm nên thương hiệu, bản đồ du lịch Quảng Trị hôm nay xuất hiện ngày càng nhiều chấm xanh mới mẻ gắn với các điểm đến, trải nghiệm về nông nghiệp. Sự dịch chuyển ấy không chỉ giúp đánh thức tiềm năng, thế mạnh mà còn mở ra hướng phát triển mới đầy triển vọng.

❑ QUANG HIỆP

Một ngày làm nông dân

Một thế kỷ trước, cây cà phê bén rễ trên mảnh đất Khe Sanh. Trải qua bao dâu bể chiến tranh và thăng trầm của thị trường nông sản, loại cây này vẫn bền bỉ gắn bó với nông dân địa phương. Những năm gần đây, nương rẫy cà phê ở Khe Sanh có sự hiện diện của nhiều vị khách. Họ đến từ muôn phương, có người vượt cả đại dương tới Khe Sanh để được tự tay hái trái chín, rang xay cà phê, hòa mình vào nhịp sống phố núi.

Nhắc đến sự đổi thay ấy, ánh mắt ông Trần Thái Thiên, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Cà phê Khe Sanh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã Du lịch Nông nghiệp Việt Nam-Khe Sanh lấp lánh niềm vui. Ý tưởng giúp khách trải nghiệm "một ngày làm nông dân, cả đời nhớ mùi hương của đại ngàn" được ông Thiên và một số người dân Khe Sanh ấp ủ từ lâu, cuối năm 2023 mới hiện thực hóa ý tưởng đó. Mục tiêu đặt ra là thu hút du khách đến với Khe Sanh, nghe câu chuyện về cây cà phê, về sự hồi sinh của mảnh đất một thời máu lửa để trân quý hơn giá trị của hòa bình

Ngày đầu đặt ý tưởng lên bàn thảo luận, ông Thiên và cộng sự đã xác định tour du lịch nông nghiệp này không thể tồn tại nếu chỉ dẫn khách đến một vườn cà phê nào đó. Họ khẩn trương liên lạc, kết nối với những người cùng chí hướng, đã và đang xây dựng các sản phẩm du lịch nông nghiệp trên địa bàn. Điều đáng mừng là đến đâu, các thành viên trong nhóm cũng nhận được sự ủng hộ. "Ngay mùa đầu tiên của niên vụ cà phê 2024, tour của chúng tôi đã thu hút 12 đoàn khách tham gia trải nghiệm với hơn 100 khách. Trong đó, nhiều vị khách đến từ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Đức… Không ít người đã trở lại", ông Thiên kể.

Từ Khe Sanh Coffee tour, các sản phẩm du lịch nông nghiệp khác ở Khe Sanh nói riêng, Quảng Trị nói chung dần được du khách chú ý. Họ trở lại để tham quan, nghỉ dưỡng ở các farmstay, trải nghiệm canh tác, thưởng thức ẩm thực, tìm hiểu văn hóa, tham gia trải nghiệm… Nói như ông Thiên: "Thành công của Khe Sanh Coffee tour không thể hiện riêng ở số lượng khách tham quan. Chúng tôi rất vui khi đã góp phần "mở cửa", giúp khách biết thêm nhiều sản phẩm du lịch nông nghiệp khác ở Quảng Trị".

Những bước chân tiên phong

Trong những điểm đến của Khe Sanh Coffee tour, nhiều du khách rất thích Valley Farm. Người chung tay xây dựng trang trại này là anh Hồ Hữu Thăng. Khác với nhiều bạn trẻ vùng cao, anh Thăng không mơ mộng đến những thành phố lớn, mà mong muốn được chung tay "đánh thức" tiềm năng, thế mạnh quê

hương. Khởi đầu, anh cùng người thân cải tạo vùng thung lũng rộng 7ha của gia đình thành nơi sản xuất nông sản, cung cấp dịch vụ ăn uống và lưu trú. Anh Thăng chia sẻ: "Làm du lịch nông nghiệp dễ mà khó. Dễ vì công việc luôn có để làm. Khó là làm sao giúp khách đến, rung cảm và chọn quay trở lại?".

Hiểu điều đó, anh Thăng đặt mục tiêu xây dựng "một điểm đến, nhiều trải nghiệm". Vì nguồn vốn có hạn, anh và các thành viên trong gia đình xác định làm tuần tự từng bước, trước tiên là lấy nông nghiệp "bù" cho du lịch. Cách làm ấy sớm cho hiệu quả. "Là một trong những farm đầu tiên ở Khe Sanh, chúng tôi nhận được nhiều sự quan tâm của du khách. Vào mùa cao điểm, số nhân công chúng tôi thuê để làm việc cho farm lên đến 20 người. Chúng tôi làm ra nông sản sạch, đưa vào bếp chế biến, tạo ra những món ăn ngon phục vụ du khách", anh Thăng chia sẻ.

Xu hướng kết hợp nông nghiệp với du lịch không chỉ xuất hiện ở vùng cao Khe Sanh. Xuôi về miền biển Cửa Tùng, chị Trần Thị Thu Trang, quản lý trang trại D-Farm cùng những người bạn đã mở ra hướng đi mới. Từng là cán bộ địa chính, chị Trang đã chọn rời công việc ổn định để về làm nông. Sau khi thành công với mô hình sản xuất hữu cơ, chị đầu tư ngay cho du lịch, mở cửa trang trại để đón khách tham quan và trải nghiệm. "Ban đầu, tôi phân vân lắm. Làm nông sản sạch theo quy chuẩn vốn đã rất áp lực rồi. Thế nhưng, tôi hiểu, nếu không nâng tầm giá trị nông sản bằng du lịch thì mình mãi mãi chỉ là người bán thô", chị Trang tâm sự.

Điểm chung giữa chị Trang, anh Thăng và nhiều người con Quảng Trị chọn lối đi kết hợp du lịch và nông nghiệp là đã đầu tư rất nhiều tâm sức. Vì thế, ai cũng vui khi trải nghiệm mà mình mang lại đã "chạm" vào thị hiếu của du khách. Ngày càng nhiều người tìm đến sản phẩm du lịch nông nghiệp của họ để không chỉ trải nghiệm, mà còn học hỏi xây dựng mô hình.

Để đi đường dài

Dù có nhiều tín hiệu đáng mừng nhưng bức tranh du lịch nông nghiệp tại Quảng Trị vẫn đang ở những nét vẽ phác thảo đầu tiên. Thực tế cho thấy, hiện nay, phần lớn các farmstay hay tour trải nghiệm trong tỉnh còn mang tính tự phát, manh mún, thiếu sự gắn kết vùng. Đặc biệt, những vướng mắc về cơ chế, chính sách vẫn tồn tại.

Từng nhiều lần đến Quảng Trị, trải nghiệm cà phê đặc sản, chung tay kiến tạo Khe Sanh Coffee tour và tham quan các mô hình du lịch nông nghiệp, ông Phạm Thanh Tùng, Giám đốc Trung tâm Tư vấn du lịch nông nghiệp Việt Nam nhận thấy rất rõ tiềm năng, thế mạnh của mảnh đất này. Tuy nhiên, ông cũng thấy rõ bài toán đặt ra cho du lịch nông nghiệp ở đây. Ông Tùng cho biết, muốn du lịch nông nghiệp Quảng Trị đi đường dài, người dân phải có tư duy mới, tầm nhìn xa hơn. Điều cốt lõi là xây dựng một cộng đồng cùng chia sẻ giá trị, dựa trên một chiến lược phát triển đồng bộ của tỉnh, xã.

"Khi có cộng đồng gắn kết, những nguồn lực mới sẽ tới với địa phương. Nông sản sẽ tăng giá trị nhờ du lịch nông nghiệp. Khách sẽ có trải nghiệm khó quên. Bản sắc văn hóa được gìn giữ và phát huy… Quan trọng nhất, những người trẻ Quảng Trị sẽ thêm quyết tâm trở về, ở lại làm giàu cho quê hương", ông Tùng khẳng định.



Ông Trần Thái Thiên luôn mong muốn đưa thương hiệu cà phê Khe Sanh vươn xa thông qua những sản phẩm du lịch nông nghiệp - Ảnh: Q.H

Cũng theo ông Tùng, du lịch nông nghiệp tuyệt đối không thể đi theo lối mòn của những điểm dừng chân tham quan thuần túy, trải nghiệm hời hợt hay dịch vụ ăn uống ồn ào, xô bồ. Giá trị cốt lõi cần nằm ở "chiều sâu tri thức" và "câu chuyện bản địa". Vì thế, người làm du lịch nông nghiệp phải tự trang bị tâm thế học hỏi, lắng nghe phản hồi của thị trường và tích cực kết nối với các chuyên gia. Về phần mình, các cấp, ngành, đơn vị liên quan cần dành nhiều sự quan tâm, hỗ trợ về cơ chế, chính sách.

Khi các bên cùng đồng lòng, không còn rào cản chính sách và tri thức cộng đồng được nâng tầm, cuộc "gặp gỡ" giữa nông nghiệp và du lịch sẽ có cái kết viên mãn, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Đây không chỉ là câu chuyện làm kinh tế, mà là con đường xanh, bền vững giúp Quảng Trị vươn mình trong tương lai.

Đào tạo nông dân chuyên nghiệp



Tại Trường cao đẳng Kỹ thuật-Công nông nghiệp Quảng Trị, nông nghiệp công nghệ cao là chuyên ngành giành được nhiều sự quan tâm - Ảnh: M.N

Trở thành một trong 4 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Trị trong kỷ nguyên mới, nông nghiệp xanh đang kỳ vọng mang đến những đổi thay mạnh mẽ, tạo nên một diện mạo mới cho nền nông nghiệp truyền thống vốn đã quen với những phương thức canh tác cũ suốt bao năm qua. Để tương lai này trở thành hiện thực, việc bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, đủ sức đáp ứng những yêu cầu về khoa học-công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đóng vai trò rất quan trọng.

❑ MAI NHÂN

Nông dân thế hệ mới

Trở về từ chuyến tập huấn do Liên minh Hợp tác xã (HTX) tỉnh tổ chức một thời gian, anh Võ Thành Đạt, Giám đốc HTX Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Mỹ Lộc Thượng (xã Lệ Thủy), vẫn còn rất hào hứng khi nhắc đến. Lớp tập huấn về "Nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới" được Liên minh HTX tỉnh triển khai nhằm trang bị kiến thức về chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng dụng KHCN, chuyển đổi số và nâng cao vai trò của HTX trong xây dựng nông thôn mới. Đây cũng là cơ hội để các học viên trao đổi kinh nghiệm, học tập các mô hình hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế tập thể và phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững tại địa phương.

"Nhìn cách thức các HTX bạn vận hành, tôi học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm và cách làm hay. Trước hết chính là sự liên kết chặt chẽ, phối hợp đồng bộ giữa doanh nghiệp và HTX trong việc cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, đầu ra sản phẩm... Cách thức vận hành một HTX nông sản hữu cơ có nhiều khác biệt so với một HTX nông nghiệp truyền thống cũng mang lại những bài học, kinh nghiệm hữu ích. Tôi đã từng tham gia nhiều lớp, nhưng lớp tập huấn lần này rất bổ ích nhờ được tiếp cận thực tế và cầm tay chỉ việc. Không chỉ riêng tôi, nhiều thành viên HTX khác cũng rất mong muốn sẽ tiếp tục có các lớp tập huấn chất lượng như thế này để nâng cao năng lực triển khai nông nghiệp xanh ngay tại chính địa phương mình", anh Võ Thành Đạt chia sẻ.

Theo Liên minh HTX tỉnh, trong 9 tháng năm 2026, đơn vị đã phối hợp tổ chức 1 lớp đào tạo nghề, 10 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh kết hợp tham quan, học tập mô hình thực tế; đồng thời, chủ trì tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị liên quan cho hơn 987 lượt cán bộ, thành viên trong HTX. Trong số 10 lớp tập huấn, có 4 lớp về tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với biến đổi khí hậu, nông nghiệp tuần hoàn và 2 lớp về nông thôn mới.

Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh Đinh Thị Quỳnh Hoa cho biết, thời gian tới, đơn vị sẽ tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh. Trong đó, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản trị, điều hành cho đội ngũ cán bộ HTX; cập nhật kiến thức về sản xuất an toàn, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển giao KHCN, chuyển đổi số; tăng cường liên kết với các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp và cơ sở đào

tạo để tổ chức tập huấn gắn với thực tiễn sản xuất, nhân rộng các mô hình HTX nông nghiệp xanh, hiệu quả. Bên cạnh đó, đơn vị sẽ tích cực tư vấn, hỗ trợ các HTX tiếp cận chính sách, nguồn lực và thị trường, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động có kiến thức, kỹ năng và tư duy sản xuất xanh.

Cung ứng nhân lực đạt chuẩn chất lượng

Từ năm 2018, Trường cao đẳng Kỹ thuật-Công nông nghiệp Quảng Trị đã mở chuyên ngành nông nghiệp công nghệ cao (CNC) hệ trung cấp thuộc Khoa Nông-Lâm. Đến tháng 4/2026, nhà trường tiếp tục mở thêm hệ cao đẳng đối với chuyên ngành này. Tiến sĩ Nguyễn Đức Thành, Trưởng khoa Nông-Lâm chia sẻ, mỗi năm, nhà trường tuyển sinh từ 50-60 học sinh đối với chuyên ngành này. Tín hiệu vui là ngay sau khi tốt nghiệp, hơn 80% học sinh tìm được việc làm, nhiều em trúng tuyển vào các tập đoàn lớn liên quan đến nông nghiệp CNC.

Kết quả này có được là nhờ nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình giảng dạy. Hơn 70% thời gian học được dành cho việc thực hành của học sinh ngay tại các doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên về nông nghiệp CNC. Đội ngũ giảng viên của khoa cũng được nâng cao chất lượng với 3 tiến sĩ, còn lại đều là thạc sĩ. Năm 2025, mô hình thiết bị ứng dụng IoT trong nhà màng của nhà trường đã xuất sắc đoạt giải nhất tại hội thi thiết bị đào tạo tự làm lần thứ I do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công-nông nghiệp Quảng Trị Đào Hoài Linh chia sẻ, thời gian tới, bắt kịp xu hướng phát triển nông nghiệp xanh, nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo ngành nông nghiệp CNC, đặc biệt tập trung mở các lớp chất lượng cao cho các chuyên ngành liên quan. Nhà trường cũng sẽ nỗ lực nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhà giáo, nhất là về chuyển đổi số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp tuần hoàn. Bên cạnh đầu tư trang thiết bị dạy học, thực hành về nông nghiệp CNC, nhà trường tăng cường mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, HTX, đơn vị sản xuất trong quá trình đào tạo, đẩy mạnh thực hành tại chỗ và tạo việc làm sau khi kết thúc khóa học...



Phát triển nhân lực nông nghiệp xanh luôn cần những giải pháp dài hơi và bền vững từ chính địa phương và doanh nghiệp - Ảnh: **LIÊN MINH HTX TỈNH**

Theo tiến sĩ Trần Tự Lực, Quảng Trị cần tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà trường, nhà khoa học và doanh nghiệp. Cần dự báo nhu cầu nhân lực theo vùng sinh thái, ngành hàng để đặt hàng đào tạo phù hợp; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xanh và huy động nguồn lực hỗ trợ lao động nông thôn, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới và ven biển. Hiệu quả đào tạo cần được đánh giá bằng khả năng ứng dụng vào sản xuất, mức tăng thu nhập của người dân và giá trị gia tăng của nông sản.

Tầm nhìn cho tương lai

Tiến sĩ Trần Tự Lực, Phó Giám đốc Phân hiệu Trường đại học Tài chính-Marketing TP. Huế nhận định, phát triển nguồn nhân lực không chỉ là điều kiện hỗ trợ mà còn là động lực then chốt để Quảng Trị chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiện thực hóa mục tiêu phát triển xanh, bền vững. Theo ông, trước hết, tỉnh cần đổi mới đào tạo nghề, phát triển nông dân chuyên nghiệp và nông dân số. Cần chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng về nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời, phổ cập kỹ năng số, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử. Ngoài ra, công tác đào tạo cần gắn với mùa vụ, vùng nguyên liệu và mô hình thực tiễn, kết hợp cơ chế thu hút lao động trẻ tham gia khởi nghiệp xanh.

Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực quản trị chuỗi giá trị nông sản cũng đóng vai trò quan trọng. Tỉnh cần tập trung bồi dưỡng nhân lực HTX và doanh nghiệp về quản trị kinh doanh, kiểm soát chất lượng, liên kết sản xuất, chuyển đổi số, chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường. Doanh nghiệp cần tham gia trực tiếp vào đào tạo, đặt hàng và sử dụng lao động theo nhu cầu thực tế, góp phần khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết.

“Đặt hàng” từ đồng ruộng

Từ những cánh đồng lúa chất lượng cao và mô hình chăn nuôi hữu cơ đến các ao tôm áp dụng quy trình sinh học, khoa học công nghệ (KHCN) đã hiện diện trong sản xuất nông nghiệp ở Vĩnh Thủy, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích. Địa phương đang “đặt hàng” nhu cầu ứng dụng KHCN từ các hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp, làm cơ sở xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực đầu tư, hướng đến nền nông nghiệp xanh và tuần hoàn.



Thu hoạch lúa ở xã Vĩnh Thủy - Ảnh: **N.T.H**

❑ THANH HẢI

Gom ruộng, mở vùng sản xuất

Sau sáp nhập, xã Vĩnh Thủy có hơn 2.550ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó 1.899ha đất chuyên trồng lúa nước. Trước đây, bình quân mỗi hộ dân có khoảng 3,5 thửa ruộng, nhiều thửa chỉ rộng 200-500m^2. Ruộng đất manh mún khiến việc đưa máy móc vào đồng ruộng, tổ chức sản xuất tập trung và áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật gặp khó khăn.

Vụ đông-xuân 2025-2026, toàn xã gieo trồng 1.907ha lúa, năng suất bình quân đạt 62,3 tạ/ha, sản lượng hơn 11.880 tấn. Để tổ chức lại sản xuất, nâng cao giá trị cây lúa, xã Vĩnh Thủy triển khai kế hoạch dồn điền đổi thửa (DĐĐT) gắn với thâm canh lúa chất lượng cao, phấn đấu thực hiện khoảng 400ha. Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Huỳnh Thượng (HTX Huỳnh Thượng) là đơn vị đăng ký triển khai thực hiện DĐĐT trong năm 2026, với diện tích 65ha. “Trước đây, năng suất lúa ở Huỳnh Thượng cao nhất chỉ đạt 52 tạ/ha, vì nhiều diện tích ruộng ở vị trí cao, không có nước tưới. Từ 1.025 thửa ruộng của 272 hộ, HTX sẽ dồn lại thành 39 thửa cho 39 tổ, mở rộng đường giao thông nội đồng, cải tạo lại đồng ruộng để bảo đảm sản xuất lúa 2 vụ ổn định và thu mua lúa tại đồng ruộng cho bà con. Khi ruộng đất được tập trung hơn, việc cơ giới hóa, thống nhất quy trình canh tác và tổ chức sản xuất theo vùng sẽ thuận lợi hơn, năng suất lúa dự kiến tăng lên bình quân khoảng 65 tạ/ha”, Giám đốc HTX Huỳnh Thượng Phan Quảng chia sẻ.

Trưởng phòng Kinh tế xã Vĩnh Thủy Diệp Hồng Cương cho biết, địa phương hiện có 1.138ha vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao được chứng nhận. Diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp duy trì từ 200-400ha mỗi năm. Ở những diện tích lúa liên kết, năng suất đạt khoảng 65-70 tạ/ha, thu nhập hơn 49 triệu đồng/ha, cao hơn 3-4 triệu đồng/ha so với phương thức canh tác truyền thống. Từ dồn đổi ruộng đất, việc ứng dụng KHCN gắn với nhiều khâu của sản xuất không còn bó hẹp trong từng thửa ruộng, từng hộ gia đình.

Theo ông Cương, trên cánh đồng lúa, hướng sản xuất hữu cơ đang được mở rộng. Diện tích lúa hữu cơ vụ đông-xuân 2025-2026 đạt 49,5ha; vụ hè-thu năm 2026 đạt 31ha. Xã đặt mục tiêu nâng diện tích lên 95,5ha vào năm 2027 tại các HTX: Tiên Mỹ, Đức Xá, Thủy Ba Tây và Thủy Ba Đông. Trong chăn nuôi, 21 mô hình nuôi lợn hữu cơ liên kết với Tập đoàn Quế Lâm đang áp dụng đệm lót sinh học, xử lý chất thải qua hệ thống biogas. Ở vùng nuôi tôm, khu nuôi có 9 ao ứng dụng quy trình hai giai đoạn, với diện tích khoảng 12ha. Nhiều hộ đã sử dụng chế phẩm sinh học, chú trọng quản lý chất lượng nước được xử lý qua ao lắng trước khi đưa vào ao nuôi. Một số hộ kết hợp ao cá để tận dụng phần thức ăn dư và chất thải, giảm lãng phí trong quá trình sản xuất và hạn

chế dịch bệnh. Những thay đổi về quy trình kỹ thuật đưa yêu cầu bảo vệ môi trường vào hoạt động sản xuất, đồng thời mở ra hướng tổ chức và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Từ sản xuất, nhìn ra nhu cầu công nghệ

Ở HTX Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Phan Hiền (HTX Phan Hiền), vụ tôm năm 2026 đạt kết quả tốt nhất trong khoảng 15 năm qua. Giám đốc HTX Phan Hiền, xã Vĩnh Thủy Trần Văn Dụng cho biết, vụ tôm năm nay, gia đình ông nuôi trên diện tích mặt nước 3ha. Tôm được mùa, được giá, sau khi trừ tất cả các khoản chi phí gia đình thu lãi hơn 1,5 tỉ đồng.

Toàn HTX Phan Hiền nuôi khoảng 90ha tôm, trong đó hơn nửa số hộ áp dụng quy trình 2 giai đoạn, ứng dụng công nghệ biofloc, đạt hiệu quả cao. Nhưng người nuôi tôm hiểu rằng, một vụ nuôi đạt kết quả tốt chưa đủ bảo đảm cho những vụ tiếp theo. Chất lượng nguồn nước, nguy cơ dịch bệnh và chi phí sản xuất luôn đòi hỏi sự theo dõi, điều chỉnh. Khi nhiều hộ cùng sản xuất trong một vùng, việc kiểm soát môi trường còn liên quan đến hệ thống cấp thoát nước và các hạng mục hạ tầng dùng chung.

Thực tế tại HTX Phan Hiền, các yếu tố hạ tầng như điện, đường nội vùng và hệ thống cấp thoát nước cho vùng nuôi tôm vẫn còn hạn chế. Từ những khó khăn này, xã Vĩnh Thủy đang đề xuất xây dựng khu nuôi tôm thâm canh ứng dụng quy trình sinh học, dự kiến khoảng 60ha, với kinh phí 29 tỉ đồng để đầu tư điện, đường giao thông, kênh cấp thoát nước, ao lắng và các điều kiện phục vụ ứng dụng KHCN. "Từ những ao nuôi đến vùng sản xuất, người nuôi tôm cần những điều kiện để kiểm soát môi trường; các hộ trong vùng cần hạ tầng phù hợp; còn việc tổ chức sản xuất phải tính đến hiệu quả chung và khả năng duy trì lâu dài. Những yêu cầu ấy đặt ra "bài toán" ứng dụng KHCN cần được giải quyết gắn với điều kiện thực tế của vùng nuôi", Giám đốc HTX Phan Hiền Trần Văn Dụng cho hay.

Theo Phó Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thủy Nguyễn Quang Chiến, cũng theo hướng gắn KHCN với nhu cầu sản xuất, xã Vĩnh Thủy xây dựng đề án "Làng nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn liên kết chuỗi giá trị tại thôn Lê Xá và Tân Thủy, giai đoạn 2026-2030". Đề án định hướng kết nối các khâu sản xuất hữu cơ, xử lý chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, địa phương đang tổng hợp nhu cầu KHCN từ các HTX, tổ hợp tác và doanh nghiệp để đăng ký nhu cầu công nghệ chiến lược trong nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2030. Danh mục nhu cầu gồm: Tưới AWD, trichlodema, chăn nuôi hữu cơ, đệm lót sinh học, biofloc, xử lý tuần hoàn nước, chuyển hóa rừng gỗ lớn, FSC, tín chỉ carbon và sấy, đóng gói, chiết xuất nông sản...

Từ cánh đồng đến vùng mặt nước nuôi tôm, những mô hình ứng dụng KHCN cho thấy nông nghiệp Vĩnh Thủy đang đổi mới, hướng đến nền nông nghiệp xanh và tuần hoàn. Việc "đặt hàng" các công nghệ chiến lược trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường xuất phát từ thực tiễn sản xuất khẳng định tư duy và khát vọng đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp trên chính đồng đất quê mình.



Sản phẩm gạo Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Thủy đạt OCOP 3 sao
- Ảnh: **N.T.H**



Vùng nuôi tôm của Hợp tác xã Phan Hiền, xã Vĩnh Thủy - Ảnh: **N.T.H**

Từ phụ phẩm đến nguồn tài nguyên giá trị



Sản phẩm hàu Bắc Giang được tích hợp mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm - Ảnh: N.M

Với nhiều nông dân, hành trình đến với nông nghiệp xanh bắt đầu từ tình yêu đất, yêu cây, từ những trăn trở trong sản xuất và mong muốn làm ra sản phẩm tốt hơn. Dù chưa được trang bị kiến thức bài bản về nông nghiệp xanh nhưng bằng kinh nghiệm tích lũy qua thực tiễn, họ vẫn tìm ra những cách làm mới, tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu sẵn có, giảm chi phí và hạn chế tác động đến môi trường. Đằng sau những thay đổi ấy không chỉ là mong muốn nâng cao hiệu quả sản xuất, mà còn là ý thức gìn giữ đất đai, tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ mai sau.

❑ NGỌC MAI

Tận dụng phụ phẩm

Được thành lập năm 2017 trên cơ sở tập hợp các tổ hợp tác nhỏ lẻ, Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp Dinh Trạm (xã Tân Mỹ) đã sớm chú trọng tận dụng phụ phẩm trong sản xuất để chăm bón cây trồng, cải tạo đất. Theo anh Nguyễn Đại Nguyên, Phó Giám đốc HTX, hầu hết phụ phẩm từ quá trình sản xuất dầu gội và tinh dầu đều được tận dụng tối đa.

"Lá sả sau khi chưng cất tinh dầu được phơi khô, đan thành tấm vật liệu để lợp chòi hoặc trang trí. Các loại lá, củ dùng để sản xuất dầu gội và sản phẩm chăm sóc sức khỏe được ủ làm phân bón hoặc bón trực tiếp cho cây. Những phụ phẩm này giúp đất tơi xốp, hạn chế cỏ mọc. Có thời điểm, chúng tôi còn thử nghiệm thành công phân trùn quế, vừa dùng bón cây, vừa cung cấp cho các hộ chăn nuôi gà, vịt. Việc tận dụng phụ phẩm không chỉ giảm ô nhiễm, tiết kiệm chi phí mà còn mang lại hiệu quả kinh tế. Vùng nguyên liệu được chăm bón bằng các loại phân hữu cơ cũng góp phần tạo ra nguồn nguyên liệu sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm ngay từ đầu", anh Nguyên chia sẻ.

Cùng hướng đi đó, HTX Nấm sạch Tuấn Linh, một gương mặt quen thuộc với hàng chục sản phẩm OCOP từ 3 đến 5 sao, đã thành công với việc tận dụng phụ phẩm trong quá trình sản xuất, từng bước hình thành mô hình nông nghiệp tuần hoàn. Mùn cưa, rơm rạ được sử dụng làm nguyên liệu trồng nấm; sau thu hoạch, phôi nấm được thu gom, ủ thành phân hữu cơ phục vụ trồng trọt, góp phần cải tạo đất và giảm chi phí phân bón. Các loại túi ni-lông đựng phôi nấm cũng được phân loại để tái chế. Việc tận dụng phụ phẩm không chỉ hạn chế lượng chất thải ra môi trường mà còn giúp khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu sẵn có, tạo sự liên kết giữa các khâu sản xuất. Từ đó, HTX từng bước hướng đến quy trình sản xuất khép kín, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả kinh tế theo hướng bền vững.

Bà đỡ cho những sáng kiến xanh

Những cách làm từ thực tiễn sản xuất sẽ có thêm cơ hội phát huy hiệu quả khi được hỗ trợ hoàn thiện và ứng dụng rộng rãi. Cuộc thi "Sáng tạo khoa học-kỹ thuật trong phát triển kinh tế nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu" tỉnh Quảng Trị lần thứ nhất năm 2026 là một trong những hoạt động kết nối nông dân, HTX với chuyên gia, góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu và ứng dụng những giải pháp thiết thực phục vụ sản xuất.

Giảm phát thải khí nhà kính, phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp là những nội dung trọng tâm của cuộc thi. Trong số 14 sáng kiến được vinh danh, HTX Nông sản Khe Sanh và Liên minh HTX tỉnh đoạt giải ba với giải pháp tận dụng vỏ cà phê, cành cây sau tỉa để tạo nguồn nhiệt phục vụ sấy nông sản và sản xuất than sinh học (biochar) dùng cải tạo đất. Mô hình giúp giảm ít nhất 40% chi phí nhiên liệu sấy,

hạn chế phát thải và tận dụng hiệu quả phụ phẩm tại chỗ.

Kết quả này cho thấy tiềm năng đổi mới, sáng tạo trong nông dân, HTX và doanh nghiệp địa phương. Tuy nhiên, để các sáng kiến phát huy hiệu quả lâu dài, cần có sự đồng hành trong việc hoàn thiện giải pháp, ứng dụng vào sản xuất và từng bước mở rộng quy mô.

Bà Đinh Thị Quỳnh Hoa, Giám đốc Liên minh HTX tỉnh cho biết, đồng hành với nông dân, HTX chuyển đổi sang sản xuất xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp là một trong những định hướng của đơn vị trong giai đoạn mới. Từ mô hình của HTX Nông sản Khe Sanh, Liên minh HTX tỉnh sẽ tiếp tục lựa chọn những sáng kiến phù hợp để kết nối, hỗ trợ hoàn thiện giải pháp, ứng dụng vào thực tiễn, góp phần nhân rộng các mô hình sản xuất xanh, tuần hoàn.

Tháo gỡ nút thắt

Theo anh Nguyễn Đại Nguyên, Phó Giám đốc HTX Nông nghiệp Dinh Trạm, để tận dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp, giảm tác động đến môi trường và gia tăng lợi ích cho người nông dân, cần hình thành một HTX chuyên thu gom, chế biến phụ phẩm với dây chuyền đồng bộ. Đơn vị này sẽ thu mua phụ phẩm từ các hộ kinh doanh, tổ hợp tác và HTX trên địa bàn, qua đó chủ động nguồn nguyên liệu, tổ chức sản xuất theo hướng chuyên môn hóa và bền vững.

Thực tế tại HTX Nông nghiệp Dinh Trạm cho thấy, một số hướng tận dụng phụ phẩm như sản xuất phân trùn quế, chế biến thân cây sả đan thành tấm vật liệu mới dừng ở quy mô nội bộ, khó mở rộng do thiếu công nghệ và thiết bị phù hợp. Muốn đưa phân trùn quế ra thị trường với quy mô lớn hơn, HTX cần đầu tư máy sấy, máy đóng gói và các thiết bị chuyên dụng. Với sản phẩm đan từ thân cây sả, nguyên liệu cũng cần được xử lý, đóng gói ngay từ khâu thu hoạch để bảo đảm chất lượng khi đưa vào sản xuất.

Từ những cách làm xuất phát từ thực tiễn, nông nghiệp xanh ở Quảng Trị cần thêm sự tiếp sức về khoa học-kỹ thuật, công nghệ và nguồn lực đầu tư. Khi sáng kiến của người nông dân được hoàn thiện, các khâu sản xuất được kết nối đồng bộ, phụ phẩm sẽ trở thành nguồn tài nguyên có giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững.



Cà phê sau thu hoạch tại Hợp tác xã Nông sản Khe Sanh, nơi phụ phẩm từ quá trình sản xuất được tận dụng để giảm chi phí và hướng đến sản xuất xanh - Ảnh: N.M

Theo anh Nguyên, nếu có cơ sở chế biến chuyên biệt cùng dây chuyền đồng bộ, việc tận dụng phụ phẩm sẽ hiệu quả hơn, đồng thời tạo điều kiện phát triển sản phẩm ở quy mô lớn.

Một hướng đi khác đang được tính đến tại HTX Nuôi trồng và chế biến hàu Bắc Gianh, phường Bắc Gianh, là tận dụng vỏ hàu sau chế biến. Dù mới thành lập, HTX đã chú trọng truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng mã QR, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng kiểm tra thông tin và góp phần củng cố niềm tin thị trường. Hoạt động nuôi, tiêu thụ hàu tương đối thuận lợi, tạo tiền đề để HTX tiếp tục mở rộng sản xuất.

Liên minh HTX tỉnh đang hỗ trợ kết nối nguồn lực đầu tư hệ thống xử lý, nghiền vỏ hàu làm nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi và trồng trọt. Giải pháp này vừa góp phần giảm chất thải, vừa tận dụng phụ phẩm để tạo thêm giá trị. Tuy nhiên, để hệ thống hoạt động hiệu quả, cần có nguồn nguyên liệu đủ lớn và ổn định. Vì vậy, Liên minh HTX tỉnh phối hợp với phường Bắc Gianh nghiên cứu quy hoạch vùng nuôi, phát triển số lượng thành viên, từng bước xây dựng chuỗi liên kết từ nuôi trồng, thu mua đến chế biến và xử lý phụ phẩm.

Từ Dinh Trạm đến Bắc Gianh, những mô hình này cho thấy tận dụng phụ phẩm mới là bước khởi đầu của nông nghiệp tuần hoàn. Để các cách làm xanh phát huy hiệu quả và có thể nhân rộng, cần kết nối đồng bộ các khâu sản xuất, chủ động nguồn nguyên liệu và đầu tư công nghệ phù hợp. Khi những nút thắt này được tháo gỡ, phụ phẩm nông nghiệp mới thực sự trở thành nguồn tài nguyên có giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và gìn giữ tài nguyên cho tương lai.

Vùng nguyên liệu, doanh nghiệp và nền tảng số



Những cánh đồng lúa rộng lớn được đẩy nhanh tiến độ gieo trồng nhờ cơ giới hóa - Ảnh: T.P

Là lĩnh vực chiếm 18,12% GRDP của tỉnh, nông nghiệp Quảng Trị đang từng bước thay đổi phương thức sản xuất thông qua chuyển đổi số và cơ giới hóa đồng bộ. Việc ứng dụng hệ thống dữ liệu số toàn diện từ đồng ruộng, cánh rừng đến mạng lưới thủy lợi thay thế cho phương thức sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, tạo nền tảng nâng cao hiệu quả sản xuất, hướng tới phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.

❑ TRÚC PHƯƠNG

Đưa dữ liệu số vào sản xuất nông nghiệp

Nhiều năm gắn bó với ruộng đồng, bà Trần Thị Chuyên, thôn Tiên Lễ, xã Nam Ba Đồn vốn quen với phương thức canh tác truyền thống. Đến vụ lúa hè thu năm 2024, khi địa phương triển khai mô hình "Cánh đồng lúa không dấu chân" trên diện tích 5ha, bà cùng nhiều hộ dân lần đầu tiếp cận quy trình canh tác hiện đại. Theo đó, thiết bị bay không người lái (drone) được sử dụng trong các khâu gieo sạ, rải phân bón lót và phun thuốc bảo vệ thực vật. Người vận hành có thể điều khiển thiết bị từ xa, giúp giảm công lao động và hạn chế việc đi lại trên đồng ruộng.

Bà Chuyên phấn khởi chia sẻ: "Gia đình tôi có khoảng 5 sào nằm trong mô hình "Cánh đồng lúa không dấu chân". Quá trình trồng lúa theo phương pháp mới, chúng tôi không chỉ tiết kiệm được sức lao động, chi phí đầu tư mà vụ mùa bội thu, lúa trĩu hạt, thuần sạch; năng suất và giá cả cao hơn so với cách làm truyền thống". Là người trực tiếp tham gia xây dựng mô hình, ông Hoàng Thăng Long, Trưởng thôn Tiên Lễ, cho biết: "Nhờ sự quan tâm của lãnh đạo các cấp và sự đồng lòng của người dân, việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất đã giúp người dân nâng cao nhận thức, giảm sức lao động và giúp cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt, tăng năng suất đáng kể từ 70-75 tạ/ha/vụ. Đây chính là bước đột phá để sản xuất lúa hoàn toàn không phụ thuộc vào nhân công, đẩy nhanh tiến độ gieo cấy và thu hoạch".

Từ những mô hình điểm, đến nay, việc ứng dụng drone trong gieo sạ, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật đã được triển khai trên hơn 42.000ha trong toàn tỉnh. Không chỉ giúp giảm 15%-20% lượng thuốc bảo vệ thực vật/ha/vụ, 40%-50% chi phí bơm phun mà còn làm tăng năng suất cây lúa từ 2%-5%, mang lại giá trị kinh tế cao hơn cho người nông dân. Đồng thời góp phần giảm lượng nước sử dụng, hạn chế ô nhiễm môi trường do giảm lượng thuốc thất thoát; giảm nguy cơ ngộ độc, bảo vệ sức khỏe người lao động, giảm phát thải từ máy phun động cơ và thúc đẩy cơ giới hóa, chuyển đổi số trong sản xuất lúa. Qua đó, giúp các địa phương đẩy nhanh tiến độ



Máy bay không người lái giúp giảm sức lao động, tăng năng suất - Ảnh: **T.P**

mùa vụ, giải phóng sức lao động, tiết kiệm tối đa vật tư. Cùng với đó, quá trình số hóa vùng trồng và ghi chép quy trình chặt chẽ đã thay đổi hoàn toàn cách làm nông nghiệp truyền thống. Thay vì chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, người nông dân có thêm dữ liệu để theo dõi đồng ruộng và đưa ra quyết định phù hợp.

Từ việc bám sát thông số mực nước dưới lòng đất để điều tiết thời điểm tưới tiêu, đến việc cập nhật dữ liệu sâu bệnh, phân bón và thời vụ đều được tính toán khoa học, hạt lúa làm ra sạch hơn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đây chính là bệ đỡ cốt lõi để tỉnh xây dựng được 2.786,13ha diện tích đạt các tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ an toàn. Thời gian qua, ngành nông nghiệp tỉnh cũng đã tập trung xây dựng hệ thống mã số vùng trồng và giải pháp truy xuất nguồn gốc chuyên sâu. Toàn tỉnh đang kiểm soát và duy trì ổn định 55 mã số vùng trồng, trong đó có 15 mã số cho xuất khẩu cùng 2 mã số cơ sở đóng gói chuối xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc, tạo điều kiện tiên quyết để nông sản đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của đối tác nước ngoài. Song song với đó, chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) khi được tiếp sức bởi thương mại điện tử cũng ghi nhận những chuyển biến mạnh mẽ. Hệ thống số hiện đang quản lý trực tiếp 295 sản phẩm OCOP còn hiệu lực chứng nhận, trong đó có 3 sản phẩm xuất sắc đạt hạng 5 sao. Đồng thời đưa 314 sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử và gian hàng thực tế ảo 3D tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), giúp sản phẩm đặc sản của quê hương vượt qua giới hạn không gian vật lý để tiếp cận khách hàng toàn cầu.

Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Trần Đình Hiệp khẳng định: "Trong nền kinh tế nông nghiệp hiện đại, hệ dữ liệu minh bạch chính là tấm "hộ chiếu" và "cầu nối" đắc lực, giúp nông sản, nông hộ cùng các hợp tác xã tự tin tiếp cận các kênh tiêu thụ hiện đại".

Hướng tới nền nông nghiệp xanh

Không dừng lại ở kinh tế nông nghiệp, trong lĩnh vực rừng và thiên tai, công nghệ số đã trở thành mắt thần đắc lực. Hệ thống giám sát thông minh tích hợp 18 camera AI cùng công nghệ giải đoán ảnh vệ tinh cho phép theo dõi biến động thảm phủ theo thời gian thực. Mọi bất thường lập tức được cảnh báo kèm tọa độ chính xác tới điện thoại của kiểm lâm địa bàn. Tương tự, mạng lưới 67 trạm đo mưa, 9 trạm đo mực nước tự động 24/7 kết hợp ứng dụng Vrain AI đã giúp ngành chức năng làm chủ tình hình, chuyển từ ứng phó bị động sang chủ động dự báo sớm rủi ro ngập lụt. Mạng lưới quan trắc nguồn thải, nước mặt, không khí kết nối 24/7 liên tục phân tích và tự động kích hoạt kịch bản ứng phó ngay khi chỉ số ô nhiễm vượt ngưỡng. Đối với môi trường và thủy sản, hiện 100% dữ liệu của 4.632 tàu cá đã được chuẩn hóa trên hệ thống Vnfishbase quốc gia. Thông qua hệ thống giám sát hành trình PRS 2.0, việc quản lý tàu cá bước sang chương mới: Giám sát vị trí theo thời gian thực để ngăn chặn từ sớm vi phạm IUU. Cùng với đó, 100% thông tin của 502 cơ sở nuôi trồng thủy sản đã được số hóa đồng bộ. Đây chính là "tấm bản đồ số" quan trọng giúp ngành nắm chắc quy mô, quy hoạch vùng nuôi chuẩn hóa và hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, sau 1 năm xây dựng và vận hành dữ liệu ngành, dù đạt nhiều dấu ấn tích cực, ngành nông nghiệp và môi trường vẫn còn gặp không ít rào cản trong hành trình từ "quản lý" sang "quản trị" dữ liệu thực chất. Một trong số đó là áp lực về nhân lực kiêm nhiệm, thiếu chuyên gia công nghệ chuyên sâu. Bên cạnh đó, tỉ lệ người nông dân, hợp tác xã ứng dụng chuyển đổi số chưa cao khiến kho dữ liệu chưa đầy đủ... Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2030 đã xác định "Nông nghiệp xanh" là một trong bốn trụ cột kinh tế cốt lõi để phát triển bền vững. Để đạt được điều này, ngành Nông nghiệp và Môi trường đang tập trung thiết kế lại kiến trúc quản trị dữ liệu đồng bộ, xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ giữa "vùng nguyên liệu-doanh nghiệp-nền tảng số", đồng thời phát huy vai trò của dữ liệu số làm kim chỉ nam cho mọi quyết định điều hành. Ông Trần Đình Hiệp, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường nhấn mạnh: "Hành trình chuyển đổi số không chỉ là khẩu hiệu mà phải được hiện thực hóa bằng một thể chế rõ ràng và các con số đo lường hiệu quả cụ thể. Với phương châm "Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm và rõ sản phẩm đầu ra", ngành quyết tâm thu hẹp từng khoảng cách, đưa chuyển đổi số thực sự trở thành động lực nội sinh cốt lõi để nâng tầm nông nghiệp xanh, phát triển bền vững theo đúng định hướng Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra".

Rừng trong phố



Vợ chồng anh Nguyễn Tiến Thùy chăm sóc vườn tràm gần sắp được thu hoạch - Ảnh: H.TR

Ngược lên vùng đất phía Tây trung tâm tỉnh lỵ, phường Đồng Sơn hôm nay như vừa khoác lên mình màu áo mới. Sau khi sáp nhập và mở rộng địa giới hành chính, với định hướng sát sao của cấp ủy, chính quyền địa phương cùng sự chủ động của người dân, Đồng Sơn đã đa dạng hóa các ngành nghề kinh tế, biến lợi thế đất đai dồi dào thành những dải xanh bạt ngàn...

❑ HƯƠNG TRÀ

"Nuôi dưỡng" làng nghề

Trong dòng chảy đổi mới của không gian đô thị, những làng nghề truyền thống trên địa bàn phường Đồng Sơn vẫn âm thầm được "nuôi dưỡng" và phát triển. Dù thu nhập chưa thực sự vượt trội so với một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ hiện đại, nhưng việc duy trì sản xuất các sản phẩm truyền thống không chỉ góp phần bảo đảm chất lượng, nâng tầm giá trị thương hiệu lâu dài, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giữ đất, chống xói mòn và bảo vệ môi trường sinh thái.

Trên vùng đất tổ dân phố (TDP) Thuận Phước vốn xa xôi, cách trở, nay khoảng cách như được thu ngắn lại nhờ công cuộc đô thị hóa từ "thôn" lên "phố". Sức sống mới ấy còn được thắp sáng bởi "tiếng thơm" của nghề sản xuất tinh dầu tràm, sả truyền thống...

Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn Đoàn Hồng Quân ghi nhận: Cùng với việc duy trì quy trình sản xuất nghiêm ngặt để cung cấp ra thị trường những sản phẩm "tinh hoa" của vùng chiến khu xưa, các hộ dân nơi đây còn xây dựng nên những vùng nguyên liệu tràm, sả bạt ngàn, phủ xanh cả vùng đồi. Từ đó đã khơi dậy tinh thần sản xuất, tạo động lực cho nhiều hộ gia đình mở rộng diện tích trồng, chăm sóc cây nguyên liệu, góp phần tích cực bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Điển hình trong phong trào này là gia đình bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt với sản phẩm tinh dầu tràm, sả đạt chuẩn OCOP 3 sao.

"Ngoài việc thu mua sản phẩm cho bà con trong vùng, được sự đồng thuận, tạo điều kiện và khích lệ kịp thời của các cấp ủy, chính quyền địa phương, gia đình tôi đã chủ động tận dụng diện tích đất đồi bỏ trống trồng tràm, sả để phục vụ sản xuất. Trên vùng đồi hoang hóa ngày xưa, giờ đây tràm và sả đã phủ xanh bạt ngàn, vừa bảo đảm cung cấp nguyên liệu ổn định cho sản xuất, vừa tô điểm thêm vẻ đẹp phố phường", bà Nguyệt phấn khởi chia sẻ.

Bí thư Chi bộ TDP Thuận Phước Trần Thị Thanh Lam cho biết, học tập cách làm hiệu quả của bà Nguyệt, trên địa bàn hiện có hàng chục hộ dân mạnh dạn mở rộng diện tích trồng tràm dầu, lên đến hàng chục hecta. Không chỉ phủ xanh đất trống, đồi trọc mà còn tạo ra không khí trong lành, làm mát cả một vùng đồi...

Giữ đất, xanh phố

Toàn TDP Thuận Phước hiện có 592 hộ với 2.550 nhân khẩu. Xen lẫn trong các khu dân cư có 20 hộ gia đình luôn "giữ lửa" nghề chế biến tinh dầu tràm, sả truyền thống. Nhờ dòng chảy sản xuất không ngừng nghỉ đó, những diện tích tràm, sả dần phát triển, từng

bước ủ một màu xanh trù phú lên toàn bộ vùng đồi.

Vợ chồng ông Trần Đình Hòa (SN 1955) và bà Trần Thị Hòa (SN 1956) tranh thủ những ngày thời tiết khô ráo để thu hoạch vụ sả thứ 3 trong năm. Là một trong những hộ gia đình có kinh nghiệm sản xuất tinh dầu mấy chục năm nay, ông Hòa bồi hồi nhớ lại: "Chúng tôi là những người dân sơ tán năm xưa, khi thị xã Đồng Hới trở thành trọng điểm đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ. Gia đình tôi cùng nhiều người khác dắt díu nhau lên vùng đất này khai hoang, rồi gắn bó đến tận hôm nay. Cuộc sống gia đình ổn định nhờ chắt chiu từ đất và nhận lại dòng "tinh hoa" thơm ngát của cây sả, cây tràm gió".

Từ một mảnh vườn nhỏ ban đầu, đến nay gia đình ông Hòa đã sở hữu gần 3.000m^2 đất phủ xanh tràm gió và sả. Mỗi vụ, bằng phương pháp nấu cất truyền thống, gia đình ông thu được 12 lít tinh dầu sả và 4 lít tinh dầu tràm. Quyết không để trống bất kỳ diện tích đất nào, ông bà lại tiếp tục làm đất để trồng thêm 1.000m^2 tràm gió và chăm sóc 1.200m^2 cây keo lấy gỗ.

"Trước đây đất đai bị bỏ hoang phí lắm. Nhưng từ khi địa phương có sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao, nhu cầu thu mua nguyên liệu tăng cao đã khơi dậy phong trào trồng tràm, trồng sả. Bà con chuyển đổi sang trồng cây dược liệu, mở ra hướng phát triển kinh tế bền vững mà trước đây ít ai nghĩ tới. Tuy sản lượng tinh dầu tràm gió không nhiều nhưng giá trị lại rất cao, mỗi lít có giá lên đến hơn 3 triệu đồng", ông Hòa tâm sự.

Không chỉ có những người đi trước, thế hệ trẻ ở Đồng Sơn cũng hòa mình vào làn sóng phát triển diện tích trồng cây dược liệu với sự đầu tư táo bạo hơn. Vợ chồng anh Nguyễn Tiến Thùy (SN 1982) và chị Nguyễn Thị Lựu (SN 1985) đã cải tạo gần 2ha đất hoang hóa để trồng hơn 30.000 cây tràm 5 gân, đồng thời tiếp tục mở rộng thêm 1ha tràm nguyên liệu. Ngoài ra, anh chị còn quy hoạch 2ha tràm lấy gỗ cùng diện tích trồng cây hương bài và cây ăn quả đã cho thu hoạch 3 mùa "quả ngọt".

"Nhờ vào "đất" mà cuộc sống kinh tế gia đình tôi khá ổn định. Nếu được ngược thời gian trở lại, vợ chồng tôi vẫn chọn sinh sống trên mảnh đất này và đầu tư sớm hơn với một diện tích lớn hơn cho các loại cây tràm, dược liệu và cây ăn quả", anh Thùy chia sẻ.

"Ý Đảng" thuận "lòng dân"

Thực tiễn phát triển tại phường Đồng Sơn cho thấy, sức sống bạt ngàn của những rừng tràm, đồi sả không chỉ đến từ sự năng động của người dân, mà bắt nguồn từ sự sâu sát, chỉ đạo đúng đắn của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Bí thư Đảng ủy phường Đồng Sơn Nguyễn Hữu Phước cho biết, xác định phát triển kinh tế sinh thái là nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình đô thị hóa, các cấp ủy đảng địa phương đã định hướng người dân khai thác, tận dụng tối đa tiềm năng đất đai. Thông qua việc lồng ghép phong trào "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) với cuộc vận động "phủ xanh đất trống, đồi trọc", địa phương đã tuyên truyền, vận động, đưa cán bộ, đảng viên đi đầu trong việc cải tạo đất đai, trồng rừng và cây dược liệu.

Nhờ làm tốt công tác dân vận, "ý Đảng" thuận "lòng dân", phong trào trồng rừng, trồng cây dược liệu không chỉ dừng lại ở bài toán thu nhập, mà đã trở thành một nét đẹp, tinh thần bảo vệ không gian sống. Từ những đồi trọc, vùng đất hoang hóa cằn cỗi năm xưa, nay những cánh rừng tràm, vườn sả, vườn cây ăn quả đã hình thành nên một "Rừng trong phố" đúng nghĩa; góp phần giữ đất, điều hòa không khí và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo nên tảng cho sự phát triển bền vững của trung tâm đô thị mới hôm nay và mai sau.



Cảnh quan Đồng Sơn hôm nay - Ảnh: P.V

Chuyển tư duy "làm nông" sang "làm kinh tế"

Trong sản xuất nông nghiệp, câu hỏi "trồng cây gì, nuôi con gì?" từng là mối bận tâm lớn của người nông dân. Nhưng khi thị trường ngày càng đòi hỏi cao hơn, nông nghiệp chuyển mình theo hướng xanh và bền vững, câu hỏi ấy cũng cần được đặt lại: Ai sẽ mua? Mua theo tiêu chuẩn nào? Làm thế nào để mỗi sản phẩm tạo ra nhiều giá trị hơn? Đó không chỉ là sự thay đổi trong cách đặt câu hỏi, mà còn là bước chuyển từ tư duy "làm nông" sang tư duy "làm kinh tế".

❑ PHAN PHƯƠNG

Ở Quảng Trị, một số nông trại đang chọn cho mình lối đi riêng: Không chạy theo số lượng mà tập trung tạo ra những sản phẩm khác biệt, đáp ứng nhu cầu thị trường và khai thác hiệu quả những nguồn lực sẵn có. Những hướng đi ấy cho thấy, khi biết kết hợp sản xuất xanh với tư duy thị trường, người nông dân có thể nâng cao giá trị nông sản và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Sản phẩm chất lượng, giá trị lớn

Năm 2020, sau một biến cố của gia đình, chị Nguyễn Thị Hoài Sen, ở thôn Tân Thanh, xã Đông Trạch, bắt đầu tìm hướng phát triển kinh tế bằng chăn nuôi heo sạch. Vốn là nhân viên y tế trường học, chị gần như phải bắt đầu lại từ đầu với nghề nông.

Lứa heo đầu tiên khoảng 100 con được nuôi theo cách thông thường nhưng không mang lại kết quả như mong muốn. Heo chậm lớn, thường mắc bệnh, chi phí tăng, hiệu quả thấp. Không chấp nhận bỏ cuộc, chị Sen tìm hiểu, thử nghiệm cách phối trộn thức ăn từ các loại thảo dược như đinh lăng, hoàn ngọc, nghệ, gừng, sả, tía tô... kết hợp với cám gạo, lúa, ngô, khô đậu tương, hạt sen và nguồn đạm cá tự chế. Chị còn sử dụng men vi sinh tự làm từ đường, sữa chua, men sống và tỏi để bổ sung cho đàn heo, nhằm hỗ trợ tăng sức đề kháng, hạn chế bệnh tật.

Từ những thử nghiệm ban đầu, chị từng bước định hình quy trình chăn nuôi riêng. Nhưng với chị Sen, làm ra thực phẩm an toàn mới chỉ là bước đầu; điều quan trọng hơn là tạo được sản phẩm có chất lượng và bản sắc riêng để chinh phục người tiêu dùng.

Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp an toàn Tâm Sen ra đời với sản phẩm chủ lực "Heo thảo dược Hevi", từng đạt giải nhì tại Dự án khởi nghiệp xanh toàn quốc năm 2024. Chị Nguyễn Thị Hoài Sen, Giám đốc HTX Tâm Sen cho biết: Trên diện tích khoảng 1,5ha, trang trại hiện nuôi hơn 1.000 con heo, trong đó khoảng 600 con được nuôi theo quy trình thảo dược. Xung quanh khu chăn nuôi là hệ thống cây xanh nhiều tầng, vừa chắn gió, giảm tác động của thời tiết, vừa cho quả và cung cấp thêm nguyên liệu làm thức ăn. Phụ phẩm cây trồng được ủ cùng phân heo thành phân bón hữu cơ, sau đó sử dụng trở lại phục vụ sản xuất.

Cách tổ chức sản xuất này giúp trang trại tận dụng nguồn lực tại chỗ, hạn chế lãng phí và hình thành vòng tuần hoàn trong sản xuất. Nhờ chia đàn nuôi gối vụ, mỗi lứa từ 30-60 con, trang trại có thể cung ứng sản phẩm quanh năm. Thịt heo Hevi có vị ngọt, thơm, săn chắc, giá bán khoảng 280.000 đồng/kg, cao gần gấp đôi heo thông thường nhưng vẫn được thị trường đón nhận. Sản phẩm hiện có mặt tại 16 trường học và nhiều cửa hàng thực phẩm uy tín trên địa bàn. Đặc biệt, Công ty Oxalis đặt hàng hằng ngày để phục vụ du khách tại Khu du lịch Chày Lập.

Cũng chọn hướng đi khác biệt, anh Nguyễn Văn Nhị, chủ trang trại Nhị Nguyễn ở thôn Minh Thạch, xã Trung Thuần, tập trung phát triển giống gà "ri bản địa lai rừng". Anh Nhị cho biết, khoảng 2 năm trở lại đây, anh chuyển mạnh sang nuôi giống gà này theo hình thức thả trong không gian rừng rộng. Gà



Trang trại heo thảo dược Hevi được quy hoạch trong không gian xanh – Ảnh: P.P

được nuôi khoảng 9 tháng mỗi lứa và trọng lượng chỉ khoảng 1 kg/con. Gà được tự kiếm thức ăn trong tự nhiên, kết hợp với thức ăn thảo dược và men vi sinh.

Thời gian nuôi dài hơn, sản lượng không lớn, nhưng đổi lại, thịt gà thơm, chắc, có hương vị riêng. Thay vì chạy theo đàn lớn, anh Nhị lựa chọn phân khúc sản phẩm có chất lượng khác biệt, hướng đến nhóm khách hàng sẵn sàng chi trả cao hơn. Gà thịt được bán khoảng 1,3 triệu đồng/con loại 1 kg, trứng giá 30.000 đồng/quả.

Đáng chú ý, mô hình không dừng ở quy mô một trang trại. Hệ thống của anh Nhị đã liên kết với khoảng 50 trang trại tại Quảng Trị và Hà Tĩnh, tổng đàn khoảng 10.000 con. Mỗi tháng, các trang trại trong hệ thống tiêu thụ khoảng 500-700 con, chủ yếu qua các mối bán buôn.

Hai mô hình, hai cách làm khác nhau nhưng cùng cho thấy một hướng tiếp cận: Không chỉ quan tâm sản xuất được bao nhiêu, mà còn chú trọng chất lượng, giá trị và khả năng tiêu thụ. Trong đó, việc sử dụng nguồn thức ăn phù hợp, tận dụng phụ phẩm, hạn chế lãng phí và tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn là những yếu tố góp phần định hình nền nông nghiệp xanh.

Tinh thần ấy cũng được đề cập tại tọa đàm "Nông dân Quảng Trị với nông nghiệp hữu cơ và xây dựng chuỗi liên kết kinh tế tuần hoàn 4F Quế Lâm" tổ chức tháng 8/2026. Mô hình 4F gồm Farm (sản xuất nguyên liệu), Food (tạo ra thực phẩm), Feed (tận dụng phụ phẩm làm thức ăn chăn nuôi) và Fertilizer (biến chất thải thành phân bón hữu cơ). Các khâu được kết nối nhằm tận dụng tốt hơn nguồn lực, giảm chi phí đầu vào, hạn chế chất thải và gia tăng giá trị sản xuất.

Từ "cái mình có" sang "cái thị trường cần"

Từ những câu chuyện cụ thể ấy, một yêu cầu lớn hơn đang đặt ra đối với nông nghiệp Quảng Trị: Người nông dân không thể chỉ nghĩ "mình có gì thì làm nấy", mà cần bắt đầu từ câu hỏi thị trường cần gì.

Theo ông Trần Tiến Sỹ, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, chuyển từ "sản xuất cái mình có" sang "sản xuất cái thị trường cần" cũng là chuyển từ cách làm nhỏ lẻ sang tư duy liên kết; từ bán sản phẩm thô sang tạo dựng giá trị, thương hiệu và niềm tin. Muốn vậy, sản xuất phải gắn với khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nhu cầu thị trường.

Thực tế, sản xuất quy mô nhỏ, liên kết còn lỏng lẻo, đầu ra thiếu ổn định và giá trị gia tăng thấp vẫn là những "điểm nghẽn" của nông nghiệp. Nếu chỉ chú trọng năng suất mà chưa thay đổi cách tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu và tiếp cận thị trường, người nông dân khó nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm.

Bởi vậy, vai trò của Hội Nông dân không chỉ dừng ở tuyên truyền, vận động mà còn cần phát huy vai trò cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà khoa học và thị trường; hỗ trợ hội viên tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy liên kết sản xuất, tìm kiếm đầu ra và nhân rộng những mô hình hiệu quả. Quan trọng hơn, các hoạt động hỗ trợ cần xuất phát từ nhu cầu thực tế, giúp người nông dân nhận thấy lợi ích thiết thực khi thay đổi cách làm.

Sẽ không có một công thức chung cho tất cả. Mỗi vùng đất, mỗi nông hộ có điều kiện và lợi thế riêng, từ đó lựa chọn hướng sản xuất phù hợp. Điều cốt yếu là xác định đúng lợi thế, nắm bắt nhu cầu thị trường và tổ chức sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, giảm tác động đến môi trường.

Một nông trại có thể tạo nên thành công riêng, nhưng để nông nghiệp xanh phát triển bền vững, những mô hình hiệu quả cần được kết nối, chia sẻ và nhân rộng. Khi người nông dân cùng thay đổi tư duy, chủ động liên kết và hướng đến nhu cầu thị trường, những lối đi nhỏ sẽ không còn đơn độc. Đó cũng là con đường để nông nghiệp Quảng Trị nâng cao giá trị, gìn giữ môi trường và giúp người nông dân làm giàu bền vững trên chính mảnh đất quê hương.

"Trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp xanh, Hội Nông dân tỉnh xác định thông điệp "5 cùng" với người nông dân: Cùng thay đổi tư duy, cùng sản xuất xanh, cùng liên kết, cùng đổi mới sáng tạo, cùng làm giàu bền vững. Đây không chỉ là thông điệp định hướng mà cần được cụ thể hóa bằng những việc làm thiết thực, giúp hội viên nhìn thấy lợi ích từ việc thay đổi cách làm, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng cường liên kết và chủ động tìm kiếm thị trường. Từ đó, có thể tìm được hướng đi phù hợp, nâng cao giá trị sản phẩm và làm giàu bền vững", Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Trần Tiến Sỹ nhấn mạnh.



Chị Nguyễn Thị Hoài Sen giới thiệu quy trình sản xuất thức ăn thảo dược cho heo
- Ảnh: **P.P**

Hệ sinh thái 4F



*Vườn cam của hộ ông Nguyễn Văn Ngọ, xã Trường Phú, tham gia chuỗi giá trị nông sản hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn Quế Lâm - Ảnh:***Q.N**

Từ những vườn cây kết hợp chuồng trại chăn nuôi đến các mô hình sản xuất tại cơ sở, nông nghiệp hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn đang mở ra hướng đi mới cho nông dân Quảng Trị. Thực tế từ những hộ tham gia chuỗi giá trị Quế Lâm cho thấy, khi trồng trọt và chăn nuôi hỗ trợ lẫn nhau, phụ phẩm được tận dụng và đầu ra được liên kết, người nông dân có thêm điều kiện nâng cao thu nhập, phát triển sinh kế bền vững.

❑ QUANG NGỌC

Khép kín vòng tuần hoàn

Tham gia chuỗi giá trị Quế Lâm từ năm 2023, ông Nguyễn Văn Ngọ ở xã Trường Phú phát triển mô hình kết hợp trồng trọt với chăn nuôi. Gia đình ông hiện chăm sóc 1,5ha cam kinh doanh, trồng mới 100 cây cam, có thêm 400 trụ thanh long ruột đỏ; đồng thời duy trì 6 lợn nái, 50 lợn thịt và hằng năm cung cấp cho chuỗi 120 lợn để nuôi thịt. Ông Ngọ tận dụng phân chuồng, phụ phẩm hữu cơ kết hợp men vi sinh để làm phân bón cho cam, thanh long, chuối và rau. Cách làm này giúp kết nối các khâu sản xuất, tận dụng nguồn lực sẵn có và giảm chi phí đầu vào.

Ông Nguyễn Văn Ngọ chia sẻ: "Năm 2023, tôi tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp hữu cơ Quế Lâm, ban đầu trồng mới 100 cây cam hữu cơ và chăm sóc 1,5ha cam kinh doanh, ngoài ra gia đình trồng thêm 400 trụ thanh long ruột đỏ. Nhận thấy việc liên kết chuỗi giá trị với Tập đoàn Quế Lâm từ đầu vào đến đầu ra rõ ràng, mang lại hiệu quả kinh tế và tạo sinh kế cho gia đình, tôi đã mạnh dạn đăng ký tham gia thêm liên kết chăn nuôi lợn hữu cơ. Hiện gia đình đang nuôi 6 lợn nái và 50 lợn thịt, hằng năm cung cấp cho chuỗi 120 lợn để nuôi thịt".

Cùng hướng đi đó, ông Đoàn Thanh Lâm, xã Nam Ba Đồn tham gia chuỗi liên kết Quế Lâm từ năm 2019. Trong mô hình của ông Lâm, phụ phẩm được kết hợp với men vi sinh để làm đệm lót sinh học; phân chuồng sau xử lý được tận dụng làm phân bón cho cây na, rau và chuối. Cây thảo dược cũng được sử dụng để bổ sung thức ăn cho vật nuôi, góp phần tạo sự liên kết giữa các khâu sản xuất.

Ông Đoàn Thanh Lâm cho biết: "Ban đầu, gia đình tôi chỉ nuôi 5 lợn nái và 100 lợn thịt, nhưng khi thấy có hiệu quả kinh tế, tôi đã xin tăng đàn, phát triển kinh tế tuần hoàn gắn với trồng trọt. Đến nay, gia đình đang nuôi 10 lợn nái, xuất chuồng khoảng 200 lợn thịt mỗi năm và trồng thêm 4ha cây ăn quả, rau, chuối hữu cơ. Lợi nhuận từ nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn hằng năm đạt trên 400 triệu đồng".

Thực tế từ hai hộ nông dân cho thấy, chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn không chỉ là thay đổi kỹ thuật hay vật tư đầu vào, mà còn là thay đổi tư duy tổ chức sản xuất: Tận dụng phụ phẩm, kết nối các hoạt động sản xuất và gắn sản xuất với thị trường.

Mô hình hiệu quả

Tại Quảng Trị, 39/78 xã, phường đã tổ chức đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm và 29 xã, phường ký kết hợp tác phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn với Quế Lâm. Trong đó, 9 địa phương đã triển khai mô hình thực tế với 65 hộ tham gia.

Các mô hình gồm 51 hộ nuôi lợn với tổng đàn 909 con, trong đó có 184 lợn nái, 136 lợn con và 589 lợn thịt; 2 hộ nuôi bò vàng với 8 con; 5 hộ nuôi gà với tổng đàn 900 con. Trong trồng trọt, diện tích sản xuất lúa đạt 5,5ha, vú sữa tím 3ha và cam 2,5ha. Nhiều cửa hàng đã được hình thành tại Đồng Hới, Ba Đồn, Đồng Lê và Trường Ninh.

Tại xã Đồng Lê, chính quyền địa phương đang từng bước đưa mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần

hoàn vào thực tiễn. Địa phương đã tổ chức cho 80 hộ đi học tập kinh nghiệm tại Tập đoàn Quế Lâm; đến nay, 19 hộ đang xây dựng chuồng trại, 13 hộ đã nhận lợn giống, với gần 300 lợn thịt và 32 lợn nái.

Ông Đinh Tiến Dũng, Chủ tịch UBND xã Đồng Lê, cho biết: "UBND xã đã ký kết hợp tác với Tập đoàn Quế Lâm và tổ chức cho 80 hộ dân trên địa bàn đi học tập kinh nghiệm để triển khai các mô hình đã ký kết. Đến nay, 19 hộ đang xây dựng chuồng trại, 13 hộ đã nhận lợn giống, với gần 300 lợn thịt và 32 lợn nái. Xã được lựa chọn là một trong hai địa phương của tỉnh xây dựng mô hình làng nông nghiệp hữu cơ, đồng thời đang xây dựng dự thảo chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi và kết nối các nguồn lực để người dân đầu tư sản xuất".

Việc vận động người dân học tập, xây dựng chuồng trại và tiếp cận nguồn hỗ trợ cho thấy nỗ lực của chính quyền cơ sở trong việc triển khai mô hình, tạo điều kiện để người dân từng bước thay đổi phương thức sản xuất và tham gia chuỗi liên kết.

Hướng đến nông nghiệp xanh

Trong chuỗi giá trị nông sản hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn Quế Lâm, doanh nghiệp giữ vai trò kết nối sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức tiêu thụ. Công nghệ vi sinh được ứng dụng trong xử lý phụ phẩm, chất thải chăn nuôi, góp phần kết nối trồng trọt với chăn nuôi và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Ông Nguyễn Hồng Lam, Chủ tịch Hội Nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Quế Lâm, nhấn mạnh: "Đối với nông nghiệp, không còn con đường nào khác ngoài con đường phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, như chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Làm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn không đơn giản mà phải có công nghệ. Quế Lâm có nền tảng công nghệ vi sinh, cùng công nghệ trong chăn nuôi và trồng trọt. Người nông dân tham gia chuỗi liên kết phải có hiệu quả kinh tế, tạo được sinh kế, việc làm, bảo đảm tính bền vững, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Trên cơ sở đó, cần tiếp tục phát triển mạnh hơn việc kết hợp nông nghiệp với du lịch, hướng tới nông nghiệp sinh thái, khai thác tiềm năng kinh tế nông nghiệp và du lịch của Quảng Trị".

Theo bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị, việc hợp tác với Tập đoàn Quế Lâm sẽ mở ra cơ hội để tỉnh Quảng Trị hiện thực hóa mục tiêu nông nghiệp xanh là một trong bốn trụ cột kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026-2030. Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục đồng hành, hợp tác chặt chẽ với Tập đoàn Quế Lâm để phổ biến, tuyên truyền và chuyển giao các quy trình chuỗi giá trị Quế Lâm trên lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi. Qua đó, hướng tới xây dựng các thôn, làng kinh tế nông nghiệp tuần hoàn và hệ sinh thái 4F (nông trại-thực phẩm-thức ăn chăn nuôi-dinh dưỡng cho cây trồng) tại Quảng Trị, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn trong thời gian tới.

Từ những hộ đã có quá trình sản xuất nhiều năm đến các mô hình đang triển khai tại cơ sở, nông nghiệp hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn đang từng bước hình thành cách tổ chức sản xuất mới ở Quảng Trị. Đổi mới tư duy không chỉ là thay đổi cách làm, mà còn là chuyển từ sản xuất riêng lẻ sang liên kết, từ tận dụng tài nguyên theo cách truyền thống sang khép kín vòng tuần hoàn, qua đó gắn hiệu quả kinh tế với trách nhiệm bảo vệ môi trường và mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh.



Mô hình chăn nuôi gà hữu cơ bằng đệm lót sinh học của ông Mai Xuân Huệ, xã Tuyên Bình, trong chuỗi giá trị nông sản hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn Quế Lâm - Ảnh:**Q.N**

● **TRẦN KỲ DUYÊN**

Đồng xanh

Đồng xanh thơm mùi lúa
Tỏa lan theo gió đưa
Như gửi trao lưu luyến
Cho ai vừa ghé qua

Bao lâu rồi chẳng rõ
Ngoại từ thời tóc xanh
Đến khi đầy sợi trắng
Vẫn thủy chung nơi này

Những giọt mồ hôi đổ
Ướt đẫm màu áo nâu
Để cho từng bông lúa
Hóa thành hạt ngọc thơm

Thời gian trôi lặng lẽ
Với bao điều đổi thay
Đồng vẫn xanh như thế
Lúa cùng mùa tốt tươi.



Minh họa: **H.H**

● **TỪ DẠ LINH**

Những vùng nhớ

Những vùng nhớ âm thầm gió thở
Chiều lưu hương chẳng ở phía chiều
Giấc mơ đêm lấy gì bấu víu
Em ngày xưa giờ đã xa vời.

Những vùng nhớ âm thầm gió thở
Người lại qua, bỡ ngỡ ta nhìn
Cây đàn cũ dây chùng buông phím
Làm sao ngân, điệu nhạc im rồi.

Những vùng nhớ âm thầm gió thở
Chiều hôm nay lằng lặng gió trời
Nơi xa ấy, lấy gì kết nối
Sóng chập chờn hờn dỗi gì ta.

Những vùng nhớ âm thầm gió thở
Gió yêu thương thổi mãi bến bờ
Khúc âm vang làm nên sóng biển
Ta ngồi nghe gió nói Đông về.



Minh họa: **T.H**

● **NGUYỄN VĂN TRÌNH**

Những ngọn đèn nhỏ

Chiều xuống chậm
như một điều đã cũ
quán nhỏ ven sông, im nghe gió trở mùa
Thạch Hãn lặng lờ, mang theo khúc tráng ca Thành Cổ
mỗi gợn sóng, là một nỗi nhớ dâng đầy

Trên sông
âm thanh thuyền chài, gõ mái chèo đuổi cá
giữa một vùng ánh sáng cuối ngày
mặt nước lung linh, như có ngàn vì sao lấp lánh
tiếng gọi nhau hòa vào chiều đang tắt
nghe như vọng về từ một kiếp xa xôi

Phía cầu phao Triệu Độ
dòng người hối hả xuôi về tổ ấm
ánh đèn xe máy, rải xuống một dải hoàng hôn
ta chợt thấy mình như người đứng lỡ
giữa hai bờ: Hiện tại và quá khứ

Nhớ con đò
chở những mùa phấn trắng qua sông
gửi lại những niềm thương, nỗi nhớ
bến xưa không còn, chỉ còn trong ký ức
một mái chèo khua, cũng đủ để nao lòng

Đường đến lớp nhọc nhằn, xe đạp cũ
mùa hè nhuốm bụi, màu đất đỏ
mùa mưa về, bùn đất lấm ướt ước mơ xa
nhưng ánh mắt học trò, như những ngọn đèn nhỏ
soi suốt đời ta, qua bao bến thăng trầm...



Minh họa: **S.T**

● **HOÀNG VŨ THUẬT**

Vạt nắng mồ côi

Tôi thương sao vạt nắng
mồ côi trên áo em
nắng ơi đừng xao nhãng
dù không ai ngóng nhìn

điềm nhiên và dịu dàng
long lanh và dịu ngọt
hơi thu thì sẽ sàng
chỉ riêng mình nắng biết

em đứng lên ra về
nắng cùng tôi ở lại
chiếc bàn con tái tê
từng giọt vàng khắc khoải

tôi nhặt cho vào túi
chờ ngày em ghé sang
đính lên tà áo ấy
bông hoa nắng mơ màng

cái khoảng cách đây đó
chỉ vài bước chân thôi
trời xa còn bỏ ngỏ
nắng tần ngần như tôi.



Minh họa: **T.H**

● **LÊ CHIÊU HUÂN**

Mùa sang

Thoảng hương hoa sữa ngọt ngào
Dịu thơm trong gió gói vào túi mang
Ai đem tơ dệt mộng vàng
Đưa mùi bên ấy bay sang ỡm ờ

Lòng tôi xuống ruộng lên bờ
Em về trải ánh trăng mờ ngoài hiên
Vẳng nghe tiếng lá rơi nghiêng
Mùa đi thổn thức tiếng đêm thì thầm

Cung đàn buông khúc nốt trầm
Bồi hồi thuở trước nai vàng ngẩn ngơ
Tàn phai mưa gió hững hờ
Vui vầy chan chứa tiếng thơ vọng lời

Dang tay ôm nụ hoa cười
Dịu dàng hoa sữa tháng mười mùa sang.



Minh họa: **H.H**

● **TRẦN ĐÌNH NGÔN**

Nhặt lại mùi hương

Những ngón tay gầy
níu hoàng hôn
bờ rào cũ xước một vệt nắng
hoa dủ dẻ bừng thức
khi nắng chiều rụng xuống hiên xưa

Chẳng ai bán
chẳng ai mua
một mùi hương mà đi suốt cuộc đời vẫn nợ?
những đứa trẻ ngày ấy
giờ lạc nhau giữa vách chiều

Ai nhớ
ai thương
chùm quả chín vàng
kỷ niệm xưa ùa về một thuở
mùi thơm giấu kín trong ngực áo
theo tiếng ve di cư về bóng ngày

Hôm nay
cánh đồng quê đổ trận mưa rào
mùi bùn đất ngai ngái
gió thổi ngược miền thương dủ dẻ
nhắc một người...
giờ hóa người dưng.



Minh họa: **H.P**

Từ cánh đồng lớn đến vùng sản xuất xanh

Trong tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, tổ chức lại sản xuất gắn với tích tụ, tập trung ruộng đất là yêu cầu quan trọng. Dồn điền đổi thửa (DĐĐT) không chỉ khắc phục tình trạng manh mún mà còn tạo điều kiện chỉnh trang đồng ruộng, cơ giới hóa và tổ chức sản xuất theo quy trình thống nhất. Khi gắn với liên kết doanh nghiệp và kiểm soát chất lượng, những cánh đồng lớn sẽ trở thành nền tảng để hình thành vùng sản xuất xanh, nâng cao giá trị và phát triển bền vững.



Xã Hiếu Giang nỗ lực triển khai những cánh đồng lớn - Ảnh: **L.T**

❑ LÊ TRƯỜNG

Hiệu quả từ những cánh đồng lớn

Trên cánh đồng của Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp Thượng Hòa ở xã Vĩnh Linh, những thửa ruộng nhỏ nằm xen kẽ, phân tán nay đã được thay bằng vùng sản xuất tập trung 30ha. Mặt bằng đồng ruộng được chỉnh trang, giao thông và thủy lợi nội đồng được quy hoạch lại, tạo thuận lợi cho việc thống nhất giống, lịch thời vụ, cơ giới hóa các khâu sản xuất và liên kết với doanh nghiệp.

Trước năm 2023, khu vực này có 60 hộ dân tham gia sản xuất trên 185 thửa ruộng, bình quân mỗi hộ 3-4 thửa, có hộ tới 8-9 thửa. Sau khi HTX triển khai thực hiện "DĐĐT, tạo cánh đồng mẫu lớn, liên kết sản xuất chuỗi hữu cơ", ở đây chỉ còn 82 thửa, mỗi hộ cơ bản 1-2 thửa. HTX không chỉ vận động người dân đổi ruộng mà còn tổ chức san ủi, cải tạo mặt bằng, quy hoạch lại kênh mương, đo đạc, cắm mốc và bố trí lại diện tích, ưu tiên ghép ruộng của các thành viên trong cùng gia đình để thuận lợi canh tác.

Theo Giám đốc HTX Nông nghiệp Thượng Hòa Trần Phước Hùng, hiệu quả của việc DĐĐT giúp HTX điều hành sản xuất thuận lợi hơn. Trên diện tích tập trung, HTX có thể bố trí đồng nhất một loại giống và lịch thời vụ; ruộng được san phẳng nên điều tiết nước tốt hơn, hạn chế thất thoát. Máy móc không phải chạy từ thửa này sang thửa khác, các khâu làm đất, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch đều thuận tiện. Nhờ đó, chi phí sản xuất giảm khoảng 1,5-2 triệu đồng/ha; năng suất lúa bình quân tăng từ khoảng 55 tạ/ha năm 2022 lên 62 tạ/ha năm 2024.

Không dừng lại ở việc tổ chức lại đồng ruộng, HTX từng bước chuyển sang liên kết sản xuất theo hướng hữu cơ và nâng cao giá trị sản phẩm. Năm 2025, HTX liên kết với Công ty CP Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị (Sepon Group) sản xuất theo hướng hữu cơ 34,5ha giống lúa ST25; đồng thời, liên kết chuỗi giá trị với Tổng Công ty Sông Gianh sản xuất lúa HG12. Theo HTX, các chuỗi liên kết giúp giá trị sản phẩm tăng 15%-20% so với sản xuất thông thường.

Từ hiệu quả thực tế, HTX Nông nghiệp Thượng Hòa tiếp tục đề xuất DĐĐT thêm khoảng 50ha theo chính sách mới của tỉnh vào năm 2026 và hướng tới năm 2030 cơ bản hoàn tất diện tích còn lại trong tổng hơn 280ha canh tác trong 1 năm. Phó Trưởng phòng Kinh tế, UBND xã Vĩnh Linh Nguyễn Hữu Quyết cho biết, địa phương có hơn 1.680ha lúa 2 vụ. Trong đó, các HTX Nông nghiệp Thượng Hòa, Dịch vụ nông nghiệp (DVNN) Sa Trung và DVNN Gia Lâm chiếm hơn 50% diện tích lúa toàn xã. Năm 2022 và 2023, 2 HTX Nông nghiệp Thượng Hòa và DVNN Sa Trung đã DĐĐT được hơn 50ha, bước đầu cho thấy hiệu quả.

"Địa phương đã trình Sở Nông nghiệp và Môi trường phương án hỗ trợ DĐĐT, xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa hữu cơ, lúa theo hướng hữu cơ và lúa

chất lượng cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại HTX Nông nghiệp Thượng Hòa, DVNN Sa Trung và DVNN Gia Lâm. Nếu được phê duyệt, chúng tôi sẽ triển khai trước vụ đông-xuân 2026-2027. Đây là điều kiện để tổ chức lại không gian sản xuất, mở rộng khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật và nâng cao giá trị sản phẩm", ông Quyết cho biết.

Tạo nền tảng cho vùng sản xuất xanh

Thực tế cho thấy, khi ruộng đất được tập trung thành những cánh đồng lớn, chi phí sản xuất trên một đơn vị diện tích có xu hướng giảm khá rõ. Trước hết, ruộng đất tập trung thuận lợi cho cơ giới hóa từ khâu làm đất, gieo cấy, chăm sóc đến thu hoạch; giảm công lao động và hạn chế tình trạng máy móc phải di chuyển qua nhiều thửa ruộng nhỏ. Do đó, nhiều địa phương đang xác định tổ chức lại sản xuất, DĐĐT phải gắn với xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, thay đổi phương thức canh tác và liên kết thị trường.

Tại xã Vĩnh Định, việc phát huy vai trò của HTX trong vận động người dân, sắp xếp lại đồng ruộng và tổ chức sản xuất được xem là hướng đi quan trọng để khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai. Chủ tịch UBND xã Vĩnh Định Nguyễn Thế Hậu cho biết, yêu cầu đặt ra trong quá trình DĐĐT không chỉ là giảm số thửa ruộng trên mỗi hộ mà còn phải tổ chức lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, tạo điều kiện đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Việc thực hiện cần bảo đảm công khai phương án DĐĐT, phát huy sự đồng thuận của người dân, đồng thời hướng đến tổ chức sản xuất tập trung, áp dụng thống nhất quy trình kỹ thuật, từng bước hình thành vùng lúa hàng hóa chất lượng cao.

Theo thông tin từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, đến cuối năm 2025, toàn tỉnh đã tích tụ, tập trung khoảng 27.187ha đất trồng trọt, trong đó, 27.149ha DĐĐT và 38ha thuê đất sản xuất. Hiện có 42/77 xã, phường thực hiện DĐĐT, giảm số thửa bình quân từ 5-7 xuống còn 1-2 thửa/hộ. Qua đó, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung theo hướng cánh đồng lớn.

Toàn tỉnh hiện có 2.889,36ha sản xuất hữu cơ được chứng nhận và theo hướng hữu cơ chưa được chứng nhận. Trong số này, có khoảng trên 260ha sản xuất VietGAP và 128,6ha bảo đảm an toàn thực phẩm. Nhờ đó, hiệu quả kinh tế của sản xuất theo tiêu chuẩn cao hơn phương thức truyền thống khoảng 1,5-2 lần.

Tuy nhiên, diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán, việc tuân thủ quy trình, truy xuất nguồn gốc và liên kết thị trường chưa đồng bộ. Trong khi đó, số doanh nghiệp tham gia đầu tư, thu mua, chế biến còn hạn chế, khiến đầu ra một số sản phẩm thiếu ổn định. Điều đó cho thấy, muốn mở rộng nông nghiệp xanh, trước hết phải tạo được những vùng nguyên liệu đủ lớn, có sự quản lý thống nhất từ đồng ruộng đến sản phẩm.

Theo Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hồng Phương, sản xuất xanh, hữu cơ đòi hỏi quản lý đồng bộ cả vùng, từ giống, đất, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đến quy trình canh tác và truy xuất nguồn gốc. Nếu ruộng đất quá manh mún, mỗi hộ làm một cách thì rất khó kiểm soát. Ngược lại, khi có vùng sản xuất đủ lớn sẽ thuận lợi cơ giới hóa, tiết kiệm nước và vật tư, kiểm soát dịch hại, xây dựng mã số vùng trồng, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc.

Do đó, thời gian tới, cần đồng thời thực hiện 4 nhóm giải pháp, đó là tiếp tục DĐĐT gắn với quy hoạch vùng sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp; phát huy HTX làm đầu mối tổ chức nông dân và thống nhất quy trình; lựa chọn sản phẩm lợi thế để xây dựng vùng nguyên liệu xanh, hữu cơ; đặc biệt, phải đưa doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao kỹ thuật đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh tạo thêm cơ chế hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với cơ giới hóa, phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Theo đó, giai đoạn 2026-2030, tỉnh hỗ trợ DĐĐT tối đa 5.000ha; hỗ trợ đo đạc, cấp giấy chứng nhận, san phẳng đồng ruộng, đầu tư máy móc, hạ tầng vùng nguyên liệu, chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn và liên kết chuỗi giá trị. Ngân sách bố trí tối thiểu 35 tỉ đồng mỗi năm để thực hiện chính sách.



Trên cánh đồng lớn ở xã Hiếu Giang, người dân sử dụng máy móc vào khâu thu hoạch nhằm giảm công lao động và chi phí - Ảnh: **L.T**

Từ những vườn cà phê độc canh, những năm trở lại đây, người trồng cà phê ở các xã Hướng Phùng, Khe Sanh... đang từng bước chuyển sang mô hình nông lâm kết hợp, đưa cây che bóng trở lại vườn, giảm lượng phân bón hóa học và tận dụng phụ phẩm sau thu hoạch. Cách làm này không chỉ nâng cao chất lượng, giá trị hạt cà phê mà còn giúp sản phẩm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường, giảm phát thải và mở ra triển vọng tiếp cận những giá trị mới như tín chỉ carbon.



Những vườn cà phê nông lâm kết hợp đang ngày càng được mở rộng tại xã Hướng Phùng - Ảnh: **L.A**

Mang rừng về vườn cà phê

❑ LÊ AN

Đưa rừng trở lại vườn cà phê

Tại những vùng nguyên liệu liên kết với Công ty TNHH Pun Coffee ở xã Hướng Phùng, các vườn cà phê độc canh đang từng bước được thay bằng những khu vườn nhiều tầng cây. Xen giữa những hàng cà phê Arabica là cây lâm nghiệp bản địa, cây ăn quả, cây dược liệu. Hiện doanh nghiệp đang liên kết vùng nguyên liệu khoảng 250ha với 175 hộ dân, trong đó có 125 hộ đồng bào dân tộc thiểu số Vân Kiều. Vùng nguyên liệu này đáp ứng năng suất quả tươi khoảng 300 tấn/năm, cung cấp nguyên liệu nhân xanh từ 30 tấn/năm bao gồm cà phê nhân xanh được chứng nhận đặc sản và cà phê nhân xanh chất lượng cao.

Giám đốc Công ty TNHH Pun Coffee Lương Thị Ngọc Trâm cho biết, từ năm 2021, doanh nghiệp bắt đầu khởi xướng mô hình "mang rừng về vườn cà phê". Theo đó, cùng với hỗ trợ cây giống, Pun Coffee phối hợp với nông dân đưa cây ăn quả, cây lâm nghiệp, dược liệu vào trồng xen trong vườn cà phê. Đồng thời, doanh nghiệp hướng dẫn người dân áp dụng kỹ thuật canh tác, ghi chép nhật ký sản xuất và thu mua cà phê đáp ứng yêu cầu với mức giá cao hơn thị trường. Theo chị Trâm, đối với cây cà phê Arabica, hệ thống cây che bóng giúp hạn chế bức xạ trực tiếp, điều hòa nhiệt độ trong vườn, giữ ẩm đất tốt hơn vào mùa khô, đồng thời giảm tác động của mưa lớn và xói mòn. Nhờ đó, cây cà phê có điều kiện sinh trưởng ổn định hơn, nhất là trước những diễn biến ngày càng cực đoan của thời tiết. Dưới tán che phù hợp, quả cà phê cũng có xu hướng chín chậm hơn so với cây trồng hoàn toàn ngoài nắng. Thời gian nuôi quả kéo dài tạo điều kiện để hạt tích lũy vật chất, qua đó cải thiện kích thước, khối lượng và góp phần hình thành các hợp chất liên quan đến hương vị. Đây là yếu tố quan trọng đối với cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản.

Điều này đặc biệt đáng chú ý ở Hướng Phùng, nơi có độ cao khoảng 550-680m so với mực nước biển, thấp hơn khá nhiều so với các vùng trồng cà phê Arabica nổi tiếng khác vốn nằm ở độ cao trên 1.000m. Khi đó, cây che bóng góp phần điều hòa "tiểu khí hậu", làm chậm quá trình chín của quả và tạo môi trường thuận lợi hơn cho việc phát triển chất lượng hạt. "Chính sự kết hợp giữa chất lượng quả trên cây với cách thu hái, chế biến phù hợp đã đưa sản phẩm cà phê Arabica của Pun Coffee nhiều năm liền được xếp hạng cao tại các cuộc thi cà phê đặc sản trong nước", chị Trâm khẳng định.

Cũng tại xã Hướng Phùng, hơn 5ha cà phê của An Việt Farm đang

cho thấy những khác biệt rõ nét khi được trồng dưới tán cây gáo và cây ăn quả. Bà Trần Mai Hương, chủ cơ sở An Việt Farm cho hay, năm 2019, bà bắt đầu đưa cây rừng vào trồng xen giữa vườn cà phê, tạo thành hệ sinh thái 4 tầng tán, gồm cây gỗ lớn tạo bóng, tầng cà phê, cây ăn quả trồng xen và lớp thảm thực vật phía dưới giúp giữ ẩm, bảo vệ đất. Mô hình này vừa cung cấp bóng mát cho cây cà phê, vừa giúp làm chậm quá trình phát triển của quả, cho phép quả tích tụ nhiều đường, chất béo và các hợp chất hương vị.

Theo bà Hương, lợi ích dễ nhận thấy là quả cà phê chín đều hơn, hạn chế nám cháy do ánh nắng trực tiếp, nhân phát triển tốt và độ ngọt của quả cao hơn. Khi được thu hái đúng độ chín và chế biến phù hợp, hạt cà phê có thể hình thành những tầng hương vị phong phú, phù hợp với định hướng sản xuất cà phê đặc sản, cũng như được ưa chuộng trên thị trường trong nước và quốc tế. "Hiện tại 5ha cà phê này đang cho sản lượng khoảng 75 tấn quả tươi/năm. Trong đó, khoảng 80% sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Đức…", bà Hương chia sẻ.

Phó Chủ tịch UBND xã Hướng Phùng Phan Ngọc Long thông tin, tổng diện tích cà phê trên địa bàn xã đạt gần 2.500ha, chiếm khoảng 75% tổng diện tích cà phê toàn tỉnh. Trong đó, gần 2.280ha đã được rà soát, xác định đáp ứng các yêu cầu liên quan đến Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR). Đặc biệt, thời gian qua, thông qua dự án "Sản xuất cà phê sinh thái và cải thiện rừng tự nhiên" do WWF-Việt Nam tài trợ, Công ty Slow Forest Coffee đã liên kết với các hộ dân, hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác, doanh nghiệp trên địa bàn xã để phát triển chuỗi liên kết cà phê chất lượng cao theo mô hình nông lâm kết hợp thông qua việc xây dựng vùng nguyên liệu với diện tích gần 1.000ha.

Cơ hội chuyển nhượng tín chỉ carbon

Theo Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Bùi Phước Trang, cà phê là cây trồng chủ lực tại các xã miền núi phía Tây Nam Quảng Trị với tổng diện tích trên 3.700ha, tập trung tại các xã Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, A Dơi… Thời gian qua, cùng với tái canh, trồng mới thay thế những vườn cà phê già cỗi, nhiều cá nhân, doanh nghiệp, HTX đã liên kết với người dân phát triển cà phê theo hướng sinh thái, nông lâm kết hợp. Qua đó, từng bước hình thành những vườn cà phê có cây che bóng, áp dụng phương thức canh tác thân thiện với môi trường, hướng đến sản xuất cà phê chất lượng cao và cà phê đặc sản.

Bên cạnh đó, nhiều giải pháp giảm phát thải cũng đang từng bước ứng dụng vào sản xuất. Đơn cử như tại HTX Nông sản Khe Sanh, vỏ cà phê và cành cây cắt tỉa được tận dụng làm nhiên liệu cho hệ thống khí hóa sinh khối, phần carbon rắn được thu hồi dưới dạng biochar để nghiên cứu đưa trở lại đất. Trong khi đó, Công ty TNHH Cà phê Tà Cơn Khe Sanh xử lý vỏ cà phê, cành cắt tỉa bằng chế phẩm vi sinh, ủ thành phân hữu cơ bón trở lại vùng nguyên liệu. Những cách làm này góp phần giảm lượng chất thải, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, tiết giảm một phần vật tư, chi phí đầu vào, qua đó mở ra dư địa giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ carbon.

Theo Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hồng Phương, phát triển cà phê nông lâm kết hợp, cà phê cảnh quan, sản xuất không gây mất rừng là hướng đi phù hợp, đồng thời tạo điều kiện gia tăng khả năng hấp thụ carbon. Đây là cơ sở để tính đến nguồn thu từ chuyển nhượng tín chỉ carbon cho người sản xuất trong tương lai. Tuy nhiên, bà Phương lưu ý, việc hình thành những vườn cà phê nông lâm kết hợp mới chỉ là bước khởi đầu. Muốn tiến tới tạo lập tín chỉ carbon, quá trình sản xuất phải tiếp tục được tổ chức theo hướng giảm phát thải thực chất; ưu tiên các loài cây bản địa lâu năm có khả năng hấp thụ carbon, giảm sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và hạn chế tác động đến hệ sinh thái đất, nguồn nước. Lượng carbon được hấp thụ hoặc phát thải được cắt giảm phải được đo đếm, theo dõi, báo cáo và kiểm chứng theo phương pháp, tiêu chuẩn phù hợp. "Khi đó cơ hội chuyển nhượng tín chỉ carbon mới thực sự đến gần hơn với người trồng cà phê", bà Phương nhấn mạnh.



Cà phê trồng dưới tán cây che bóng tại xã Hướng Phùng vừa tạo môi trường sinh trưởng ổn định, vừa góp phần nâng cao chất lượng hạt - Ảnh: **L.A**

Lợi ích kép trên đồng ruộng Gio Linh



Sản phẩm gạo OCOP của Hợp tác xã Nông sản hữu cơ Gio Linh - Ảnh: H.C

Vụ hè-thu năm 2026 cũng là vụ mùa đầu tiên Hợp tác xã Nông sản hữu cơ (HTX NSHC) Gio Linh (xã Gio Linh) triển khai mô hình sản xuất lúa hữu cơ kết hợp nuôi tôm càng xanh trên diện tích 5ha. Mô hình mở ra hướng đi mới, mang lại lợi ích kép về kinh tế và môi trường trên cùng đơn vị diện tích, góp phần thúc đẩy chuyển đổi tư duy sản xuất theo hướng xanh, tuần hoàn, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương.

❑ HIỀN CHI

Nâng cao giá trị hạt gạo

Trên những cánh đồng ở xã Gio Linh, câu chuyện phát triển nông nghiệp không còn xoay quanh việc làm sao để đạt năng suất cao, mà đang chuyển dần sang yêu cầu sản xuất nông sản chất lượng cao, bảo vệ môi trường và bảo đảm đầu ra ổn định. Đây cũng là hướng đi mà HTX NSHC Gio Linh kiên trì theo đuổi kể từ khi thành lập năm 2024. Với mục tiêu xây dựng vùng sản xuất lúa hữu cơ gắn với kinh tế tuần hoàn, nâng cao giá trị hạt gạo, bảo vệ môi trường và cải thiện thu nhập cho nông dân, HTX luôn xác định tổ chức sản xuất đồng bộ, hình thành chuỗi giá trị khép kín từ cung ứng đầu vào, canh tác, thu hoạch đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm.

Trong thực tế sản xuất nông nghiệp, tình trạng ruộng đất manh mún, chi phí đầu vào tăng, việc ứng dụng cơ giới hóa chưa đồng bộ và đầu ra sản phẩm thiếu ổn định vẫn là những trở ngại đối với nhiều hộ dân. Bởi vậy, tổ chức lại sản xuất thông qua mô hình kinh tế tập thể được xem là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục những hạn chế này.

Giám đốc HTX NSHC Gio Linh Nguyễn Giang cho biết, ngay từ những ngày đầu hoạt động, HTX đã xác định phương châm cốt lõi là đặt lợi ích kinh tế và tăng thu nhập của các thành viên lên hàng đầu. Trên cơ sở đó, HTX tích cực vận động người dân thực hiện dồn điền đổi thửa, cải tạo vườn tạp, tu sửa hệ thống giao thông nội đồng và thủy lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh, ứng dụng máy móc vào sản xuất. “Muốn nâng cao thu nhập cho người dân thì trước hết phải tổ chức lại sản xuất, thay đổi cách làm manh mún, nhỏ lẻ. HTX phải thực sự là điểm tựa cho thành viên, từ khâu chuẩn bị đất, cung ứng giống, hướng dẫn kỹ thuật đến thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm. Khi người dân yên tâm về đầu ra, họ mới có động lực đầu tư sản xuất theo hướng chất lượng cao”, ông Nguyễn Giang chia sẻ.

Từ định hướng sản xuất nông nghiệp xanh, HTX đã mạnh dạn triển khai quy trình sản xuất lúa hữu cơ trên diện tích 25ha, sử dụng giống chất lượng cao ST24, ST25. Năng suất lúa hữu cơ bình quân đạt khoảng 60 tạ/ha trong vụ đông-xuân và 59 tạ/ha ở vụ hè-thu. Nhờ chú trọng đầu tư chất lượng sản phẩm và tổ chức tiêu thụ theo hướng ổn định, hiệu quả kinh tế từ sản xuất lúa hữu cơ cao hơn sản xuất lúa truyền thống từ 1,5-2 lần.

Mô hình lúa-tôm càng xanh

Nếu mô hình lúa hữu cơ là bước khởi đầu trong quá trình chuyển đổi phương thức sản xuất, thì việc kết hợp trồng lúa với nuôi tôm càng xanh đang mở ra hướng phát triển mới cho HTX NSHC Gio Linh. Vụ hè-thu năm 2026, HTX lần đầu triển khai mô hình

trồng lúa hữu cơ kết hợp nuôi tôm càng xanh trên diện tích 5ha, với sự tham gia của 5 hộ dân. Mô hình được thực hiện theo quy trình sản xuất hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường đồng ruộng. Ngoài nguồn thu từ sản xuất lúa, mỗi ha cho thu hoạch khoảng 190kg tôm càng xanh, doanh thu đạt khoảng 50 triệu đồng. Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận từ nuôi tôm đạt khoảng 40 triệu đồng/ha/vụ.

Là 1 trong 5 hộ tham gia mô hình trồng lúa hữu cơ kết hợp nuôi tôm càng xanh do HTX NSHC Gio Linh triển khai, ông Lê Văn Quang bày tỏ sự phấn khởi khi hướng sản xuất mới này đã giúp gia đình nâng cao thu nhập, khai thác hiệu quả hơn diện tích canh tác. "Trước đây, gia đình chủ yếu dựa vào cây lúa nên thu nhập phụ thuộc nhiều vào năng suất và giá bán mỗi vụ. Tham gia mô hình, chúng tôi có thêm nguồn thu từ tôm càng xanh, được tiếp cận cách sản xuất mới và có đầu ra ổn định nên rất yên tâm đầu tư và gắn bó lâu dài với mô hình", ông Quang chia sẻ.

Theo tính toán, tổng lợi nhuận từ mô hình lúa hữu cơ kết hợp nuôi tôm càng xanh đạt khoảng 90 triệu đồng/ha/năm, cao hơn đáng kể so với sản xuất lúa đơn thuần. Những con số này cho thấy tiềm năng gia tăng giá trị kinh tế từ việc khai thác hợp lý điều kiện đồng ruộng, thay vì chỉ phụ thuộc vào một nguồn thu duy nhất. Khi được tổ chức hợp lý, mô hình kết hợp có thể góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đa dạng hóa sinh kế và tạo thêm động lực để nông dân tham gia vào chuỗi sản xuất nông nghiệp sạch. Tuy nhiên, mô hình phát triển lúa hữu cơ kết hợp nuôi tôm càng xanh cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về quản lý đồng ruộng. Các khâu cấp, thoát nước, kiểm soát chất lượng môi trường, lựa chọn thời vụ và tuân thủ quy trình kỹ thuật cần được phối hợp chặt chẽ. Đây là những yếu tố quyết định để mô hình phát huy hiệu quả kinh tế, đồng thời duy trì phương thức sản xuất thân thiện với môi trường.

Xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Trong giai đoạn đầu, HTX NSHC Gio Linh tập trung tiêu thụ lúa nguyên liệu và gạo thành phẩm thông qua liên kết với doanh nghiệp, đại lý và các hệ thống phân phối; đồng thời từng bước xây dựng thương hiệu "Gạo ngon Gio Mỹ", hoàn thiện bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc và đẩy mạnh quảng bá sản phẩm trên các nền tảng số. Song song với mở rộng thị trường, HTX hướng đến khai thác tối đa giá trị từ cây lúa theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Từ gạo, gạo lứt đến tấm, cám, trấu và rơm đều được định hướng tận dụng phù hợp, góp phần giảm lãng phí, gia tăng giá trị nông sản và cải thiện thu nhập cho người dân.

Trao đổi với chúng tôi, Giám đốc HTX NSHC Gio Linh Nguyễn Giang cho biết thêm: "Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức sản xuất theo hướng hữu cơ mới chỉ là điều kiện cần. Để nông sản thực sự tạo ra giá trị gia tăng và giúp người dân có thu nhập ổn định, việc xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và liên kết tiêu thụ sản phẩm phải được triển khai đồng bộ. Vì vậy, trong thời gian tới, HTX sẽ tiếp tục mở rộng liên kết với các doanh nghiệp cung ứng giống, phân bón, chuyển giao khoa học kỹ thuật và thu mua, bao tiêu sản phẩm. HTX chú trọng xây dựng thương hiệu gạo, hoàn thiện bao bì, nhãn mác, bảo đảm quy cách và tiêu chuẩn sản phẩm, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường; đưa sản phẩm tiếp cận siêu thị, cửa hàng nông sản sạch và các kênh thương mại điện tử. Việc phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm hữu cơ có chứng nhận phù hợp và đầu tư chế biến sâu được xác định là những giải pháp quan trọng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị thay vì chỉ dừng lại ở bán lúa hoặc gạo thô".

Từ kinh nghiệm thực tiễn, ông Nguyễn Giang cho rằng một trong những bài học quan trọng nhất là phải thay đổi trình tự tổ chức sản xuất. Nếu trước đây, HTX thường tính toán sản xuất trước rồi mới tìm đầu ra, thì hiện nay cần khảo sát nhu cầu thị trường, xây dựng liên kết tiêu thụ, sau đó mới tổ chức sản xuất theo yêu cầu cụ thể về sản lượng, chất lượng và thời gian giao hàng. Có như vậy, thành viên mới yên tâm đầu tư, còn HTX mới có cơ sở để phát triển lâu dài.



Mô hình nông nghiệp xanh của Hợp tác xã Nông sản hữu cơ Gio Linh thu hút nhiều địa phương đến tham quan, học tập kinh nghiệm - Ảnh: H.C

Chặng đường phát triển của HTX Nông sản hữu cơ Gio Linh vẫn còn nhiều việc phải làm, đó là xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng lực quản trị và từng bước nhân rộng mô hình lúa-tôm. Song, những chuyển động từ đồng ruộng hôm nay đang mở ra triển vọng về một hướng sản xuất bền vững, nơi chất lượng nông sản được đặt lên hàng đầu, liên kết thị trường trở thành điểm tựa và lợi ích của người nông dân là thước đo cho hiệu quả phát triển.

SRI nâng tầm giá trị hạt gạo Lệ Thủy

Hơn 10 năm qua, việc triển khai kỹ thuật canh tác lúa cải tiến (SRI) tại xã Lệ Thủy đã được triển khai trên diện rộng, từng bước thay đổi phương thức sản xuất lúa truyền thống, giúp tăng năng suất, sản lượng, giảm chi phí đầu vào và thân thiện hơn với môi trường. Từ những cánh đồng áp dụng SRI, địa phương từng bước xây dựng, phát triển chuỗi sản xuất lúa gạo sạch, góp phần nâng cao giá trị nông sản và ổn định đầu ra cho nông dân.



Thương hiệu "gạo Lệ Thủy" - Ảnh: N.H

Áp dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến mang lại hiệu quả trên các cánh đồng ở Lệ Thủy - Ảnh: N.H

❑ NGỌC HẢI

Hiệu quả SRI

Ông Võ Thanh Đạt, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Mỹ Lộc Thượng (HTX Mỹ Lộc Thượng) thông tin, SRI là một tiến bộ kỹ thuật được bà con nông dân tại HTX đón nhận nhằm thay đổi dần phương pháp sản xuất lúa truyền thống. Kỹ thuật này được triển khai thực hiện tại HTX từ vụ đông-xuân năm 2014-2015 do Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) tài trợ. Qua hơn 10 năm triển khai, năng suất, sản lượng lúa tại HTX không ngừng tăng lên qua hằng năm. Trước đây, năng suất lúa vụ đông-xuân chỉ đạt khoảng hơn 50 tạ/ha, thì năm 2025-2026, năng suất đạt hơn 78 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng hơn 2.600 tấn.

"HTX Mỹ Lộc Thượng là đơn vị đầu tiên áp dụng SRI vào đồng ruộng. Lúc mới triển khai, HTX gặp rất nhiều khó khăn do thói quen canh tác lúa truyền thống của bà con. Vì thế, HTX đã tích cực tuyên truyền, vận động, hỗ trợ kỹ thuật, làm mẫu để bà con thực hiện theo…", ông Võ Thanh Đạt cho hay.

Thực tế sản xuất lúa theo SRI ở HTX Mỹ Lộc Thượng cho thấy, những diện tích áp dụng kỹ thuật năng suất, sản lượng đều tăng trong khi chi phí đầu tư của người dân giảm một cách rõ rệt. Theo kết quả hạch toán, áp dụng SRI giúp năng suất lúa tăng khoảng 10%, giảm chi phí đầu vào cho bà con khoảng 15%. Từ chỗ e ngại ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, nay, HTX đã vận động bà con thực hiện được 272ha lúa theo SRI…

Ông Bùi Thanh Hải, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc HTX Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp An Xá cũng khẳng định tính hiệu quả của thực hiện kỹ thuật canh tác lúa cải tiến trên đồng đất của HTX. "Trước đây, bà con nông dân An Xá rất lưỡng lự khi áp dụng SRI. Lý do là nhiều người cho rằng trồng lúa nước thì ruộng phải có nhiều nước, phải gieo nhiều giống. Nhiều hộ gia đình tại HTX sau khi tham gia thí điểm thực hiện SRI, hàng đêm còn "lén lút" ra ruộng gieo thêm giống, thậm chí đòi hỗ trợ lúa nếu năng suất, sản lượng không bằng sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, sau một thời gian tuyên truyền, vận động, nhìn cách làm hiệu quả của các địa phương khác, HTX đã triển khai đồng loạt, với diện tích khoảng 150ha…", ông Bùi Thanh Hải cho biết.

Theo tính toán của ông Hải, cây lúa khi áp dụng SRI giúp người nông dân có được "3 giảm, 3 tăng", đó là giảm phân bón, giảm giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật; tăng năng suất, tăng hiệu quả, tăng kinh tế. Trước đây, 1 sào lúa sản xuất theo kiểu truyền thống gieo hết khoảng 7-8kg lúa giống, nay chỉ mất khoảng 3-3,5kg. Thêm nữa là giảm được khoảng 15% lượng phân bón, giảm lượng nước bơm và công chăm sóc. Mặt khác, vì gieo thưa

nên ruộng lúa thông thoáng, sâu bệnh ít hơn, do vậy, chất lượng hạt lúa được nâng lên, an toàn với người tiêu dùng.

Xây dựng thương hiệu "gạo Lệ Thủy"

HTX Mỹ Lộc Thượng là đơn vị tiên phong áp dụng SRI. Nhằm xây dựng chuỗi sản xuất lúa gạo sạch, an toàn, HTX thực hiện kiểm soát và kiểm định nghiêm ngặt toàn bộ quy trình, từ vùng nguyên liệu, lựa chọn giống, chăm sóc, thu hoạch đến lưu trữ và chế biến. Năm 2017, HTX được hỗ trợ đầu tư máy xay xát và nhà xưởng; đồng thời hoàn thiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm "gạo Lệ Thủy". Đây là nền tảng giúp nâng cao giá trị, tăng giá bán sản phẩm và góp phần ổn định đầu ra cho người nông dân.

"Với mong muốn giúp người tiêu dùng được sử dụng hằng ngày những sản phẩm nông sản sạch, có nguồn gốc và chất lượng được xác nhận, đặc biệt là lúa gạo. Do vậy, HTX đã dùng loại giống P6 để xây dựng thương hiệu "gạo Lệ Thủy". Gạo P6 là loại gạo dẻo, thơm hơn nhiều loại gạo thông thường. Thời gian qua, thương hiệu "gạo Lệ Thủy" đã tham gia các hội chợ kinh tế thương mại, hội nghị xúc tiến đầu tư tại các tỉnh, thành trong cả nước và được người tiêu dùng đánh giá cao về hình thức, chất lượng…", ông Võ Thanh Đạt chia sẻ.

Bà Trần Thị Lam (thôn Xuân Thủy, xã Lệ Thủy) cho hay, gia đình bà thường hay dùng thương hiệu "gạo Lệ Thủy" được sản xuất theo quy trình SRI tại HTX Mỹ Lộc Thượng, bởi, thương hiệu gạo đa dạng về mẫu mã, đóng gói phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, chất lượng gạo ngon. Ngoài ra, thương hiệu "gạo Lệ Thủy" không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không chất bảo quản và giữ được vỏ cám mờ, giàu vitamin…

Theo ông Võ Thanh Đạt, những năm gần đây, hoạt động sản xuất, kinh doanh lúa gạo tại HTX Mỹ Lộc Thượng gặp nhiều khó khăn, thách thức do nhiều nguyên nhân, nên HTX đã giao cho các xã viên thực hiện sản phẩm "gạo Lệ Thủy". HTX sẽ tiếp tục đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh cho sản phẩm gạo, trong đó chú trọng cung cấp cho các trường học trên địa bàn xã Lệ Thủy và các vùng lân cận…

Phó Trưởng phòng Kinh tế xã Lệ Thủy Võ Đình Tuấn cho hay, tính hiệu quả của việc áp dụng SRI mấy năm qua ở địa phương đã được minh chứng. Hiện, xã Lệ Thủy có 422ha lúa canh tác theo phương pháp này. Tuy nhiên, theo đánh giá của một số bà con, HTX, chính quyền địa phương cần chủ động thay đổi các bộ giống để cho năng suất, hiệu quả và thực hiện sản xuất lúa tái sinh kinh tế hơn.

"Trong bối cảnh giá vật tư nông nghiệp tăng cao, việc áp dụng sản xuất theo quy trình SRI là rất hợp lý, nhằm giảm chi phí sản xuất lúa cho bà con. Hiện, phòng cũng tham mưu UBND xã chỉ đạo các HTX, bà con nông dân tiếp tục thực hiện kỹ thuật này trong các năm tiếp…", ông Võ Đình Tuấn thông tin.

"Cùng với việc chỉ đạo bà con nông dân áp dụng SRI trên cây lúa, địa phương sẽ xây dựng quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngay trong vụ đông-xuân 2026-2027 gắn với kế hoạch sản xuất vụ hè-thu; triển khai các mô hình sản xuất hữu cơ, tuần hoàn trong nông nghiệp nhằm góp phần đổi mới và hướng đến một nền nông nghiệp an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững...", ông Lê Văn Tân, Phó Chủ tịch UBND xã Lệ Thủy cho biết.



Nông dân Lệ Thủy kiểm tra diện tích lúa áp dụng SRI - Ảnh: **N.H**

Nuôi trồng thủy sản biển



Thay vì thu hoạch một lần, các hộ dân bắt đầu chuyển sang thu hoạch cuốn chiếu nhằm bảo toàn vốn đầu tư - Ảnh: T.L

Sau những trận bão lũ khiến tài sản hàng tỉ đồng chìm trong nước, các hộ nuôi trồng thủy sản (NTTS) tại vùng biển Vũng Chùa-Đảo Yến (xã Phú Trạch) lại có thêm kinh nghiệm để tiếp tục bám trụ với nghề. Sự đồng hành của ngành Nông nghiệp cùng tinh thần chủ động, mạnh dạn ứng dụng công nghệ cao của người dân đang mở ra hướng đi vững chắc cho nghề nuôi biển, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu.

❑ TỐ LINH

Tiềm năng và thách thức

Những ngày này, các hộ dân NTTS trên biển ở xã Phú Trạch tranh thủ thời tiết thuận lợi để thu hoạch lứa cá đầu tiên trong năm. Đây là địa phương có thế mạnh và quy mô NTTS trên biển lớn nhất tỉnh. Từ những mô hình nuôi cá biển bằng lồng nhựa HDPE được Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh hỗ trợ từ triển khai từ năm 2022, đến nay, xã Phú Trạch đã hình thành vùng nuôi thủy sản trên biển tại Vũng Chùa-Đảo Yến với trên 20 lồng nuôi. Các đối tượng nuôi ở đây chủ yếu là các loài cá có giá trị kinh tế cao, như cá bớp, cá mú, cá chim... mang lại hiệu quả vượt trội.

Theo anh Cao Minh Thái, Giám đốc Hợp tác xã Sản xuất và Thương mại dịch vụ biển Vũng Chùa-Đảo Yến, vụ nuôi năm nay, cá tương đối được giá nên bà con rất phấn khởi. Người nuôi mong thời tiết thuận lợi để yên tâm, tiếp tục duy trì, mở rộng mô hình.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về biển, đầm phá, cửa sông để phát triển NTTS theo hướng hiện đại, bền vững. Với mục tiêu "giảm khai thác, tăng nuôi trồng", ngành Nông nghiệp đã triển khai hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngành nghề, phát triển các mô hình nuôi thủy sản trên mặt nước mặn, lợ tại các vùng biển kín gió. Riêng năm 2025, mặc dù chịu ảnh hưởng của nhiều đợt thiên tai, sản lượng NTTS nước mặn, lợ đạt 8.962 tấn. Kết quả này cho thấy nuôi biển tiếp tục là một trong những lĩnh vực quan trọng đóng góp vào tăng trưởng của ngành thủy sản.

"Chi cục đã hỗ trợ mô hình nuôi biển công nghệ cao bằng lồng bè tại khu vực Vũng Chùa-Đảo Yến, nuôi hàu bằng dàn bè trên sông Gianh nhằm tận dụng mặt nước tự nhiên, tăng thu nhập và giảm áp lực lên tài nguyên biển. Định hướng xuyên suốt của ngành là phát triển nuôi biển gắn với khai thác thủy sản có trách nhiệm, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ khai thác sang nuôi trồng, giảm áp lực lên nguồn lợi thủy sản tự nhiên", ông Trần Xuân Tiến, Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Quảng Trị cho biết.

Dù mang lại giá trị kinh tế cao, nuôi biển đòi hỏi chi phí đầu tư lớn trong suốt vụ nuôi. Trong đó, mỗi lồng tùy theo diện tích có chi phí đầu tư từ 200-500 triệu đồng. Cùng với đó, người nuôi còn phải đối mặt với những rủi ro về môi trường nước hoặc thiên tai, kỹ

thuật và chi phí nhân công đáng kể. Đặc biệt, chi phí thức ăn tăng cao khi cá bước vào giai đoạn nuôi thương phẩm. Với 6 lồng HDPE của gia đình anh Nguyễn Ngọc Ban ở xã Phú Trạch, thời điểm chuẩn bị thu hoạch, chi phí thức ăn lên đến 1 tỉ đồng/tháng, chưa kể tiền công lao động. "Từ khi thả nuôi đến khi thu hoạch cá kéo dài trong một năm, người nuôi phải có đủ nguồn lực kinh tế để có thể xoay vòng chi phí thức ăn cho cả vụ. Nếu thời tiết thuận lợi thì nuôi biển rất hiệu quả. Còn khi thời tiết xấu, chúng tôi phải bảo đảm lồng bè neo giữ kiên cố", anh Ban cho biết.

Năm 2025, 2 cơn bão gần như "xóa sổ" hoàn toàn các lồng bè của hộ nuôi thủy sản tại xã Phú Trạch. "NTTS trên biển phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Khi có dự báo mưa bão, sóng lớn, chúng tôi luôn thẩm thỏm, lo lắng vì tài sản trị giá hàng tỉ đồng nằm giữa biển khơi. Những năm trời yên biển lặng thì thu nhập bình quân của mỗi thành viên đạt 15-20 triệu/tháng là bình thường, còn gặp mưa bão thì coi như thất thu. Riêng năm 2025, các thành viên trong hợp tác xã thiệt hại trên 3 tỉ đồng", anh Cao Minh Thái chia sẻ.

Lời giải từ thực tiễn

Sau thiên tai, nhiều hộ nuôi rơi vào cảnh trắng tay nhưng cũng rút ra thêm những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn. Để chủ động ứng phó với thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp, các hộ nuôi tại Vũng Chùa-Đảo Yến đã đầu tư lồng bè chất lượng cao, hiện đại, sử dụng vật liệu HPDE có thể chống chọi với bão trên cấp 12. Cùng với đó là đèn điện sử dụng năng lượng mặt trời, hệ thống giám sát, cảnh báo qua camera… Từ những lồng bè làm bằng tre, nứa trước đây, đến nay, xã Phú Trạch đã có 22 lồng nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

"Nhiều mô hình NTTS tại địa bàn phát triển nhờ sự hỗ trợ của ngành Nông nghiệp và sự mạnh dạn của người dân. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thiên tai nên các mô hình dễ gặp rủi ro. Vì thế, quá trình nhân rộng các mô hình cần có sự hỗ trợ kỹ thuật và sự đồng hành của ngành Nông nghiệp, để người dân có thể đầu tư lồng bè kiên cố, thích ứng với biến đổi khí hậu", ông Nguyễn Đức Hiền, Phó Chủ tịch UBND xã Phú Trạch đề xuất.

Ngoài đầu tư lồng bè kiên cố, các hộ nuôi đã chuyển sang thu hoạch cuốn chiếu thay vì một lần như trước đây. Nếu như mọi năm, người dân thường chờ qua mùa mưa lũ để cung cấp cá cho thị trường tết nhằm được giá, thì từ tháng 9 năm nay, các hộ bắt đầu tỉa bán những lứa cá đạt trọng lượng thương phẩm và tái thả giống mới để duy trì sản xuất. Người dân cũng mong muốn các ban, ngành, địa phương nghiên cứu, đầu tư khu tránh trú cho lồng bè tại khu vực biển Vũng Chùa-Đảo Yến nhằm hạn chế rủi ro cho các hộ NTTS ở đây.

"Trong thời gian tới, đơn vị tiếp tục phối hợp với các ngành và địa phương nghiên cứu, nhân rộng các mô hình nuôi biển ứng dụng công nghệ cao ở các địa phương, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt, việc phát triển NTTS trên biển luôn được tỉnh gắn với khai thác thủy sản có trách nhiệm và thực hiện nghiêm các quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Đây là định hướng rất quan trọng nhằm giảm dần áp lực khai thác nguồn lợi tự nhiên, bảo vệ hệ sinh thái biển, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, nâng cao uy tín và khả năng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trên thị trường quốc tế", ông Trần Xuân Tiến, Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Quảng Trị chia sẻ.

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Trung ương về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, tỉnh Quảng Trị đang cụ thể hóa thành các chương trình hành động và các đột phá chiến lược, xác định kinh tế biển là một trong những động lực tăng trưởng của ngành Nông nghiệp. Trong đó, NTTS trên biển là một "mắt xích" quan trọng để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời giảm áp lực lên tài nguyên biển.



Mỗi lồng nuôi có chi phí đầu tư lên tới 500 triệu đồng - Ảnh: **T.L**

Xây dựng thương hiệu từ chăn nuôi

Trước nhu cầu ngày càng cao của thị trường về sản phẩm sạch, an toàn, việc chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng hữu cơ, tuần hoàn đang trở thành giải pháp trọng tâm được ngành Nông nghiệp và người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh hướng đến nhằm phát triển bền vững.



Mô hình nuôi gà Ai Cập lấy trứng theo hướng an toàn sinh học của anh Nguyễn Trần Long, ở thôn Minh Lệ, xã Nam Gianh - Ảnh: **L.CHI**

❑ LAN CHI

Tạo ra sản phẩm sạch, an toàn

Phát triển nông nghiệp hữu cơ tiếp tục được xác định là giải pháp trọng tâm, thúc đẩy nông nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn. Thời gian qua, nhiều hộ dân trên địa bàn tỉnh đã mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, bước đầu mang lại hiệu quả rõ rệt.

Tại thôn Hoàng Xá, xã Lệ Ninh, ông Nguyễn Văn Mọn là một trong những người tiên phong triển khai mô hình liên kết chăn nuôi lợn hữu cơ. Ông Mọn chia sẻ, nuôi lợn hữu cơ đòi hỏi tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật, tốn nhiều thời gian và công sức hơn, nhưng đổi lại sản phẩm bảo đảm an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng và không gây ô nhiễm môi trường.

Nhờ ứng dụng chế phẩm sinh học và bổ sung thảo dược, đàn lợn phát triển rất khỏe mạnh. Nền chuồng sử dụng đệm lót vi sinh có khả năng lên men, phân giải chất thải nên không có mùi hôi. Phân hữu cơ sau đó được tận dụng bón cho cây trồng. Từ con giống, thức ăn đến khâu tiêu thụ đều nằm trong chuỗi khép kín, giúp gia đình chủ động hơn trong quá trình sản xuất. Hiện, gia đình ông đang duy trì nuôi 1 con lợn nái và 20 con lợn thịt.

Chủ tịch Hội Nông dân xã Lệ Ninh Nguyễn Văn Hiếu cho biết: "Thời gian qua, xã Lệ Ninh thực hiện nhiều chính sách khuyến khích người dân phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất tập trung gắn với bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh; đặc biệt chú trọng nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn. Từ hiệu quả mô hình chăn nuôi lợn hữu cơ của gia đình ông Mọn, Hội Nông dân xã đã tổ chức cho hội viên tham quan học hỏi và đã có 2 hội viên ứng dụng nhân rộng mô hình".

Song song với chăn nuôi gia súc, mô hình nuôi gà Ai Cập lấy trứng theo hướng an toàn sinh học của anh Nguyễn Trần Long, ở thôn Minh Lệ, xã Nam Gianh cũng là một điểm sáng triển vọng. Nhận thấy giống gà Ai Cập dễ nuôi, sức đề kháng tốt, chất lượng trứng thơm ngon, anh Long đã đầu tư nuôi thử nghiệm 500 con.

Anh Long chia sẻ."Quá trình nuôi phải bảo đảm quy trình chăn nuôi sạch ngay từ khâu chọn giống, lựa chọn nguồn thức ăn đến cách chăm sóc. Thức ăn cho gà được phối trộn từ bắp, sắn, ốc, rau... và không sử dụng thức ăn công nghiệp. Gà nuôi khoảng 5 tháng bắt đầu đẻ trứng và bước vào giai đoạn sinh sản cao điểm, hầu như ngày nào cũng có trứng thu hoạch. Hiện tại, năng suất đạt khoảng 300 quả/ngày. Với giá bán 4.000 đồng/quả, mô hình mang lại nguồn thu nhập ổn định và được người tiêu dùng đón nhận rất tích cực. Thời gian tới, tôi dự định nhân đàn lên 2.000 con, từng bước xây dựng thương hiệu trứng gà sạch để cung ứng ra thị trường".

Hướng đến chăn nuôi bền vững

Nắm bắt xu hướng chuyển đổi xanh, năm 2026, xã Nam Gianh đã triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là các mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ và chăn nuôi gà sử dụng đệm lót sinh học.

Theo Trưởng phòng Kinh tế xã Nam Gianh Lê Minh Phương, chính sách được thực hiện theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư đối với các hộ đáp ứng đủ điều

kiện về chuồng trại, nhân lực, kỹ thuật và được cơ quan chuyên môn thẩm định. Dù mới triển khai, các mô hình bước đầu đã tạo chuyển biến tích cực, góp phần thay đổi nhận thức của người dân về phát triển nông nghiệp hiện đại. Thời gian tới, Phòng Kinh tế xã sẽ tiếp tục phối hợp với các thôn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi và đánh giá hiệu quả thực tế, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Ông Trần Công Tám, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y cho biết, trong bối cảnh dịch bệnh động vật diễn biến phức tạp, việc nhân rộng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học đóng vai trò quan trọng đối với ngành chăn nuôi. Đây là bước tạo đà để ngành chuyển đổi sản xuất theo hướng bền vững. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số mô hình chăn nuôi theo hướng canh tác tự nhiên, chăn nuôi hữu cơ. Đối với các vật nuôi ăn cỏ như trâu, bò, dê, người dân hiện vẫn chủ yếu áp dụng phương thức truyền thống. Trong đó, bò được xác định là vật nuôi chủ lực và được định hướng phát triển theo hướng trang trại thâm canh, hữu cơ. Tuy nhiên, việc phát triển chăn nuôi hữu cơ vẫn đối mặt với không ít rào cản. Điều kiện chăn nuôi thực tế của người dân hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ, đồng bộ các yêu cầu quy định, đặc biệt là các yêu cầu về nguồn thức ăn hữu cơ. Vì vậy, đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở chăn nuôi nào đủ tiêu chuẩn và được cấp chứng nhận hữu cơ. Kinh phí hỗ trợ phát triển chăn nuôi hữu cơ chưa có nguồn chính sách riêng, chủ yếu được lồng ghép từ các chính sách hỗ trợ của tỉnh và các nguồn kinh phí khác…

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Môi trường, toàn tỉnh hiện có 31/43 trang trại chăn nuôi quy mô lớn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; 18 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. 100% các trang trại quy mô lớn đã áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, từng bước ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và xử lý môi trường. Bên cạnh đó, trên 90% cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ đã ứng dụng hầm biogas, đệm lót sinh học và tái sử dụng chất thải trong sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển chăn nuôi bền vững.

Thời gian tới, ngành Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ và kinh tế tuần hoàn; khuyến khích phát triển trang trại tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Đồng thời, tỉnh sẽ tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ, xây dựng cơ sở giết mổ tập trung và chế biến sâu, hướng tới hình thành chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ theo hướng bền vững.

Những năm qua, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã hỗ trợ 20 cơ sở chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, với 1.170 con lợn, tổng kinh phí trên 2,7 tỉ đồng. Qua đó, góp phần khuyến khích người chăn nuôi từng bước tiếp cận phương thức sản xuất mới, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy phát triển chăn nuôi bền vững, thân thiện với môi trường.



Nhiều trang trại quy mô lớn trên địa bàn tỉnh đã áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất - Ảnh: L.CHI

Đất "trẻ lại", hạt gạo vươn xa

Toàn tỉnh hiện có 926 hợp tác xã (HTX), 4 liên hiệp HTX hoạt động theo Luật HTX 2023. Trong số hơn 700 HTX nông nghiệp, có hơn 100 HTX ứng dụng công nghệ cao và phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, hiện đại, góp phần nâng cao giá trị nông sản, tăng thu nhập cho người dân và từng bước đưa sản phẩm địa phương vươn ra các thị trường lớn.



Mô hình sản xuất lúa hữu cơ của Hợp tác xã Nông sản sạch, canh tác tự nhiên Triệu Phong - Ảnh: **A.T**

❑ **ÁNH TUYẾT**

Đầu năm 2016, nông dân tại 3 xã Triệu Tài, Triệu Sơn, Triệu Trung thuộc huyện Triệu Phong (cũ), nay là xã Triệu Cơ, được Dự án KOICA Tầm nhìn Thế giới tập huấn và hướng dẫn áp dụng mô hình sản xuất lúa canh tác tự nhiên. Chuyên gia nông học Changpiole, người Hàn Quốc, trực tiếp chuyển giao kỹ thuật canh tác theo quy tắc "3 không": Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, phân bón hóa học, chất kích thích tăng trưởng và chất bảo quản. Ban đầu, chỉ có 11 hộ dân mạnh dạn đăng ký tham gia, triển khai trên diện tích 1ha đất thử nghiệm.

Gắn bó với mô hình từ những ngày đầu, ông Đặng Ngọc Dỉnh, ở thôn Đồng Văn, xã Triệu Cơ, vẫn nhớ như in khoảng thời gian ấy: "Những vụ đầu chưa quen tay, gia đình tôi phải huy động hết nhân lực. Ban ngày dầm mưa nắng nhổ cỏ, ban đêm lại đội đèn pin, lội bùn, bắt ốc bươu vàng. Ngay cả việc gom mua tỏi, ớt, gừng, vỏ trứng… về xay giã, phối trộn làm chế phẩm sinh học cũng mất nhiều công sức. Thế nhưng nhờ cán bộ kiên trì động viên, gia đình tôi vẫn quyết tâm bám trụ".

Nhớ về giai đoạn gian nan này, ông Nguyễn Hữu Đạt, Giám đốc HTX Nông sản sạch, canh tác tự nhiên Triệu Phong, cho biết: "Từ trước đến nay, bà con nông dân quen canh tác lúa truyền thống, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Khi chuyển sang canh tác tự nhiên, bà con phải tự tay nhổ cỏ, bắt ốc bươu vàng, rồi cặm cụi tự sản xuất các loại chế phẩm sinh học nên tốn rất nhiều công sức. Chưa kể, đất đai bị thoái hóa do lâu nay dùng phân hóa học nên vụ đầu năng suất rất thấp, mỗi sào (500m^2) chỉ được 1,3-1,5 tạ. Vừa vất vả mà sản lượng lại thấp, nhiều nông dân nản lòng, muốn bỏ cuộc quay về sản xuất theo phương thức cũ".

Được sự định hướng kịp thời từ chính quyền địa phương cùng các cấp Hội Nông dân, ngày 1/10/2017, HTX Nông sản sạch, canh tác tự nhiên Triệu Phong ra đời. Để giữ vững niềm tin cho bà con, Ban Giám đốc HTX luôn đồng hành với nông dân trên từng thửa ruộng, hướng dẫn kỹ thuật và cam kết bao tiêu sản phẩm. Nhờ canh tác đúng quy trình, năng suất lúa canh tác tự nhiên tăng dần, đạt mốc trung bình 2,5 tạ/sào. Đặc biệt, các giống lúa chất lượng cao như ST25, HN6 khi áp dụng quy trình canh tác này cho hạt gạo có độ đậm đà, thơm dẻo tự nhiên, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Chia sẻ về "bí quyết" chăm sóc lúa theo phương pháp đặc biệt này, Giám đốc Nguyễn Hữu Đạt cho biết, toàn bộ dinh dưỡng cho cây lúa đều do chính tay nông dân chế biến từ nguyên liệu tự nhiên. Phân compost được ủ từ phân chuồng và phụ phẩm nông nghiệp qua quá trình phân giải của vi sinh vật bản địa; nguồn đạm bổ sung lấy từ ốc, cá ủ lên men với đường nâu; canxi được chiết xuất từ xương động vật và vỏ trứng. Đặc biệt, để tạo dịch quang hợp và tăng sức đề kháng cho lúa, bà con dùng các chế phẩm lên men

từ thân cây và trái cây.

Đối với việc phòng trừ sâu bệnh, HTX sử dụng hỗn hợp thảo mộc được ngâm với rượu, bia và đường lên men, sau đó phối hợp với chế phẩm IMO3 để phun trên đồng ruộng. Nhờ ứng dụng các chế phẩm sinh học tự nhiên, hệ sinh thái đất và nguồn nước trên đồng ruộng được phục hồi rõ rệt, cây lúa sinh trưởng khỏe, kháng bệnh tốt hơn. Ông Trần Minh Miện, ở thôn An Phú Tài, cùng nhiều hộ dân tham gia HTX Nông sản sạch, canh tác tự nhiên Triệu Phong, cho rằng: "Cái được lớn nhất khi từ bỏ hóa chất chính là sức khỏe, nông dân không phải tiếp xúc với thuốc trừ sâu độc hại".

Đặc biệt, tháng 6/2026, hưởng ứng cuộc thi "Sáng tạo Khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu" lần thứ nhất do Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị phát động, HTX Nông sản sạch, canh tác tự nhiên Triệu Phong đạt giải khuyến khích với đề án "Biến ốc bươu vàng thành phân bón cho cây lúa".

Ông Nguyễn Văn Chiến, Phó Chủ tịch Thường trực Liên minh HTX tỉnh Quảng Trị, cho rằng: "Đây là bước ngoặt quan trọng giúp bà con nông dân thay đổi tư duy sản xuất truyền thống. Việc chuyển sang canh tác theo hướng hữu cơ không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của thị trường, mà còn góp phần tích cực vào mục tiêu phát triển một nền nông nghiệp xanh, bền vững của tỉnh Quảng Trị".

Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường, toàn tỉnh hiện có hơn 100 HTX ứng dụng công nghệ cao và 195 HTX tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản. Nhiều HTX đã chủ động số hóa thương hiệu, tích hợp mã QR truy xuất nguồn gốc và đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử lớn như Postmart.vn, Voso.vn. Bên cạnh đó, một số HTX đã ứng dụng các mô hình nông nghiệp thông minh như hệ thống tưới, bón phân tự động ứng dụng IoT, công nghệ AI giám sát sâu bệnh và thiết bị bay không người lái (drone) trong gieo hạt, phun thuốc. Bước chuyển mình từ nông nghiệp truyền thống sang công nghệ cao không chỉ mở ra hướng đi mới mà còn nâng tầm giá trị nông sản, tăng thu nhập cho người dân và đưa sản phẩm nông nghiệp Quảng Trị tự tin vươn xa.

Có thể kể đến HTX Sản xuất nấm sạch và kinh doanh nông nghiệp Tuấn Linh (xã Đông Trạch), HTX Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp-thủy sản Lộc Phát (xã Lệ Ninh), HTX Minh Đức, các HTX canh tác lúa và cây hồ tiêu hữu cơ (xã Trường Ninh), HTX Nông sản Khe Sanh (xã Khe Sanh), HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Phú Hưng (xã Hải Lăng), HTX Nông sản hữu cơ Gio Linh (xã Gio Linh)…



Nhờ ứng dụng các chế phẩm sinh học tự nhiên, hệ sinh thái đất và nguồn nước trên đồng ruộng được phục hồi rõ rệt - Ảnh: A.T

Ông Phan Ngọc Đồng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, cho biết: "Quảng Trị có định hướng chiến lược rõ ràng khi xác định nông nghiệp xanh là 1 trong 4 trụ cột kinh tế. Bước đầu xuất hiện các HTX dẫn dắt chuỗi hiệu quả, cùng với việc người dân nhận thức rõ hiệu quả kinh tế từ nông nghiệp hữu cơ cao hơn 20%-35% so với canh tác truyền thống. Các sản phẩm hữu cơ được hỗ trợ chứng nhận đều được gắn nhãn mác và tem truy xuất nguồn gốc bằng mã QR, qua đó nâng cao tính minh bạch về thông tin sản phẩm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường".

Bên cạnh những thuận lợi, lộ trình chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ tại một số địa phương vẫn còn đối mặt với nhiều rào cản. Đó là tình trạng quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, thiếu vùng nguyên liệu lớn; hạ tầng logistics và liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ ở một số nơi chưa thực sự đồng bộ; chi phí chứng nhận hữu cơ cao cùng năng lực tuân thủ quy trình kỹ thuật của một bộ phận nông dân còn hạn chế… Đây đều là những điểm nghẽn cần có giải pháp để tháo gỡ.

"Thời gian tới, tỉnh cần tập trung nguồn lực vào các ngành hàng lợi thế gắn với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Đồng thời, đẩy mạnh tích tụ đất đai, phát huy vai trò doanh nghiệp-HTX, ứng dụng công nghệ số và truy xuất nguồn gốc, đẩy mạnh chế biến sâu, sản xuất hữu cơ theo hướng kinh tế tuần hoàn", ông Phan Ngọc Đồng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị cho biết thêm.

Khi cựu chiến binh ứng dụng công nghệ...

Phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ trong thời bình, nhiều cựu chiến binh (CCB) đã ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, từng bước chuyển đổi phương thức canh tác theo hướng xanh, an toàn và bền vững. Điểm chung trong cách làm của họ là mạnh dạn đổi mới tư duy, lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện thực tế, sử dụng hiệu quả nguồn lực và gắn lợi ích kinh tế với trách nhiệm bảo vệ môi trường.



Mô hình cánh đồng lúa hữu cơ của cựu chiến binh Nguyễn Văn Tuấn
- Ảnh: **NH.V**

❑ **NHẬT VĂN**

CCB Nguyễn Văn Tuấn, ở xã Vĩnh Thủy, là một trong những người mạnh dạn đưa công nghệ hiện đại vào sản xuất lúa, hướng đến nền nông nghiệp sạch và hiệu quả. Xuất phát từ điều kiện đồng đất địa phương, gia đình ông duy trì 20ha lúa theo hướng hữu cơ nhằm nâng cao chất lượng nông sản, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ sức khỏe người sản xuất và tiêu dùng. Để giảm chi phí, tiết kiệm nhân công và nâng cao hiệu quả sản xuất, ông Tuấn đã đầu tư 3 máy bay không người lái (drone), với tổng giá trị hơn 1 tỉ đồng, phục vụ nhiều khâu trong quá trình canh tác.

Không chỉ phục vụ sản xuất của gia đình, ông Tuấn còn cung cấp dịch vụ sử dụng drone cho hàng trăm hộ nông dân trong và ngoài địa phương, phục vụ diện tích khoảng 1.000ha lúa mỗi năm. Giai đoạn 2021-2026, tổng doanh thu từ sản xuất lúa sạch kết hợp dịch vụ drone của gia đình ông đạt khoảng 8 tỉ đồng, mang về lợi nhuận gần 4 tỉ đồng. Mô hình còn tạo việc làm thường xuyên và thời vụ cho khoảng 50 lao động địa phương.

CCB Nguyễn Văn Tuấn cho rằng: "Giá trị thiết thực nhất của việc ứng dụng công nghệ là sự thay đổi trong nhận thức của người nông dân. Từ chỗ còn e ngại phương thức sản xuất mới, nhiều hộ đã chủ động tìm hiểu, đầu tư thiết bị và sử dụng drone trong canh tác, góp phần hình thành phương thức sản xuất chuyên nghiệp, tiết kiệm và hiệu quả hơn".

Nếu CCB Nguyễn Văn Tuấn lựa chọn hướng đi từ canh tác lúa sạch kết hợp công nghệ hiện đại thì CCB Nguyễn Duy Viên, ở thôn Thống Nhất, xã Trường Ninh, lại tập trung tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, phát huy vai trò của hợp tác xã (HTX) trong nâng cao giá trị nông sản.

Trên cương vị Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Thống Nhất, ông Viên xác định rằng muốn nâng cao thu nhập cho người trồng lúa cần khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, chi phí đầu vào cao, năng suất thiếu ổn định và đầu ra phụ thuộc vào thương lái. Từ đó, ông chủ động đổi mới phương thức điều hành, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và kết nối với các đơn vị chuyên môn để tổ chức sản xuất bài bản hơn.

HTX đã phối hợp triển khai các mô hình canh tác lúa theo hướng hữu cơ, áp dụng quy trình VietGAP, từng bước phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trên những cánh đồng lớn. Nhờ đó, nông dân có thêm điều kiện tiếp cận kỹ thuật tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất. Diện tích sản xuất 2 vụ của HTX tăng từ khoảng 120ha lên 250ha, năng suất lúa đạt 75-76 tạ/ha/vụ, thuộc nhóm dẫn đầu tại địa phương. Diện tích liên kết sản xuất đạt từ 80-150ha, góp phần tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích từ 3%-7%. Bên cạnh lúa thương phẩm, HTX còn tổ chức sản xuất giống lúa chất lượng cao để cung ứng cho nông dân trong tỉnh. Hiện tổng

diện tích sản xuất lúa của đơn vị đạt 370ha, sản lượng thu hoạch khoảng 3.100-3.200 tấn mỗi năm, doanh thu gần 10 tỉ đồng.

Cùng với nhiệm vụ phát triển sản xuất, ông Viên còn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội của HTX. Đơn vị tạo việc làm thường xuyên cho 19 lao động, trong đó có 9 CCB; hỗ trợ giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho các gia đình khó khăn, đối tượng chính sách; hướng dẫn kỹ thuật cho hội viên nghèo, cận nghèo. Đặc biệt, HTX đã phối hợp hỗ trợ đầu tư máy móc phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp cho 4 CCB, với tổng kinh phí trên 350 triệu đồng.

Tinh thần đổi mới của những người lính năm xưa còn được thể hiện qua các mô hình phát triển cây trồng ứng dụng công nghệ cao, gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường.

Tại xã Cam Lộ, CCB Thái Thị Bang lựa chọn phát triển kinh tế gia đình bằng nghề ươm giống cây lâm nghiệp. Sinh sống ở địa bàn có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, đất đai khô cằn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Lào, thiên tai và dịch bệnh, bà nhận thấy muốn phát triển kinh tế bền vững phải kiên trì học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và tìm hướng sản xuất phù hợp. Năm 2006, gia đình bà bắt đầu xây dựng vườn ươm với quy mô nhỏ. Những ngày đầu, hoạt động sản xuất gặp nhiều trở ngại do thiếu kinh nghiệm, hạn chế về kỹ thuật, thị trường tiêu thụ chưa ổn định và phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Bà chủ động tham gia các lớp tập huấn, tìm hiểu kiến thức chuyên môn và tham quan những mô hình hiệu quả tại nhiều địa phương để tích lũy kinh nghiệm.

Sau quá trình nghiên cứu, năm 2020, bà quyết định đầu tư hơn 1,8 tỉ đồng xây dựng mô hình "Vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao". Vườn ươm được đầu tư nhà kính, quy hoạch hệ thống vườn, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, tưới tiêu và phun thuốc tự động, giúp nâng cao khả năng kiểm soát quá trình chăm sóc cây giống, giảm sự phụ thuộc vào thời tiết và bảo vệ môi trường… Mỗi năm, vườn ươm cung cấp hơn 120.000 cây giống các loại cho thị trường trong tỉnh và những địa phương lân cận. Mô hình đạt doanh thu bình quân hơn 1,2 tỉ đồng/năm, lợi nhuận sau khi trừ chi phí trên 650 triệu đồng/năm, tạo việc làm thường xuyên cho 4 lao động và việc làm thời vụ cho khoảng 25-30 lao động, ưu tiên hội viên CCB và người thuộc hộ nghèo.

Cùng hướng đến nông nghiệp xanh, CCB Lê Xuân Tế, ở phường Đồng Hới, lại tận dụng diện tích sân thượng của công ty để trồng dưa lưới, cây ăn quả và rau màu theo phương thức hữu cơ. Ông đầu tư nhà giàn, hệ thống tưới tự động, không sử dụng phân bón hóa học; đồng thời phát triển trang trại cây ăn quả tại phường Đồng Sơn theo hướng công nghệ sạch và đang triển khai dự án Khu sinh thái nông nghiệp công nghệ cao Phú Cát tại xã Bảo Ninh.

CCB Lê Xuân Tế chia sẻ: "Xuất phát từ niềm đam mê với nông nghiệp, tôi luôn trăn trở và khát khao tạo ra những nông sản thực sự sạch và an toàn. Mỗi sản phẩm làm ra không chỉ để chăm sóc sức khỏe cho chính gia đình mình, mà còn mang đến cho thị trường những giá trị lành mạnh. Qua đó, chúng tôi hướng tới một nền nông nghiệp xanh, thân thiện, góp phần chung tay gìn giữ môi trường sinh thái bền vững".

Mỗi mô hình có quy mô, phương thức tổ chức và điều kiện phát triển khác nhau, song đều thể hiện khát vọng làm giàu chính đáng bằng lao động, tri thức và sự chủ động của các CCB trong tìm kiếm hướng đi mới. Việc ứng dụng công nghệ, tận dụng hiệu quả nguồn lực và hướng đến sản xuất thân thiện với môi trường đang mở ra những cơ hội phát triển kinh tế phù hợp với yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại.



Cựu chiến binh Lê Xuân Tế sử dụng diện tích sân thượng công ty để trồng cây ăn quả, rau màu theo hướng hữu cơ - Ảnh: **NH.V**

Ông Trần Ngọc Sâm, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh, Chủ tịch Hội CCB tỉnh, cho biết: "Điểm đáng quý ở CCB là tinh thần dám nghĩ, dám làm, chủ động vượt qua khó khăn để phát triển kinh tế. Phát huy tinh thần đó, thời gian tới, Hội CCB tỉnh tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ hội viên tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, đồng thời khuyến khích áp dụng các quy trình canh tác an toàn, tiết kiệm tài nguyên và sử dụng vật tư đầu vào thân thiện với môi trường, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững".

Hài hòa lợi ích giữa nông dân, doanh nghiệp, môi trường

Nông nghiệp xanh là hướng đi tất yếu, nhưng để phát triển bền vững cần có sự đồng bộ từ tổ chức sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, tận dụng phụ phẩm đến kết nối thị trường và hình thành chuỗi giá trị. Phóng viên (P.V) Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị đã có cuộc trao đổi với kỹ sư (K.S) Hồ Xuân Hiếu, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, về những điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, hài hòa lợi ích giữa nông dân, doanh nghiệp và môi trường.



Ký kết hợp tác giữa Sepon Group với UBND xã Vĩnh Thủy - Ảnh: **P.X.D**

● **P.V:** ***Thưa ông! Từ góc nhìn của một doanh nhân trực tiếp tham gia sản xuất và liên kết với nông dân, ông nhìn nhận thế nào về yêu cầu chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp xanh?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Theo tôi, chuyển sang nông nghiệp xanh không còn là lựa chọn mang tính phong trào mà đã trở thành yêu cầu của thị trường. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, dư lượng hóa chất, phát thải và trách nhiệm với môi trường. Nếu vẫn phụ thuộc nhiều vào phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và khai thác tài nguyên theo chiều rộng, nông sản sẽ khó nâng cao giá trị và tiếp cận những thị trường có tiêu chuẩn cao.

SEPON lựa chọn hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và liên kết chuỗi nhằm giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tận dụng phụ phẩm và giảm tác động đến môi trường, đồng thời tạo mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với nông dân.

● **P.V:** ***Trong thực tế, đâu là trở ngại lớn nhất khi chuyển từ phương thức sản xuất truyền thống sang nông nghiệp xanh?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Khó khăn lớn nhất không nằm ở một yếu tố riêng lẻ mà ở sự đồng bộ của cả chuỗi. Có kỹ thuật nhưng không có thị trường thì nông dân khó duy trì sản xuất; có thị trường nhưng vùng nguyên liệu manh mún thì doanh nghiệp không thể tổ chức sản xuất quy mô lớn. Có máy móc hiện đại nhưng lịch thời vụ, thủy lợi và cơ giới hóa không đồng bộ thì thiết bị cũng khó phát huy hiệu quả.

Một ví dụ cụ thể là việc thu gom rơm sau thu hoạch. Doanh nghiệp muốn cuốn rơm làm nguyên liệu chăn nuôi, phân hữu cơ hoặc nhiên liệu sinh khối. Tuy nhiên, ở một số nơi, vừa gặt xong, nước đã được đưa vào ruộng để chuẩn bị vụ mới. Ruộng ngập khiến máy cuốn rơm không thể hoạt động, người dân lại phải đốt rơm.

Thực tế này cho thấy chuyển đổi xanh không chỉ cần công nghệ mà còn đòi hỏi sự phối hợp giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị thủy lợi và chính quyền địa phương. Nếu mỗi bên thực hiện tốt phần việc của mình nhưng không thống nhất lịch vận hành, cả chuỗi vẫn có thể bị ách tắc.

● **P.V:** ***Làm thế nào để mô hình kinh tế tuần hoàn không dừng ở việc tận dụng phụ phẩm mà thực sự hình thành vòng giá trị khép kín?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Kinh tế tuần hoàn chỉ thành công khi phụ phẩm có giá trị kinh tế và đầu ra rõ ràng. Nếu chỉ thu gom để "không bỏ đi" thì chưa thể hình thành một chuỗi tuần hoàn bền vững. Cần trả lời được 3 câu hỏi: Phụ phẩm được thu gom như thế nào, xử lý thành sản phẩm gì và sản phẩm đó quay trở lại phục vụ khâu nào trong chuỗi?

Rơm có thể làm nguyên liệu chăn nuôi hoặc phân hữu cơ; phụ phẩm từ sắn, lúa, cao su có thể được xử lý để tạo phân bón, nhiên liệu sinh khối hoặc nguyên liệu

cho công đoạn khác. Muốn biến chất thải thành nguồn giá trị, cần đồng bộ công nghệ, logistics, mùa vụ và thị trường. Kinh tế tuần hoàn vì thế không chỉ tận dụng phụ phẩm mà còn thiết kế lại toàn bộ chuỗi giá trị.

● **P.V:** ***Trong chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, đâu là mắt xích quyết định khả năng mở rộng nông nghiệp xanh ở Quảng Trị? Doanh nghiệp cần làm gì khi thị trường chưa trả đúng giá trị sản phẩm?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Theo tôi, thị trường là mắt xích quyết định. Nông dân chỉ có thể duy trì phương thức sản xuất xanh nếu nhìn thấy lợi ích kinh tế lâu dài. Doanh nghiệp cần vừa giảm chi phí bằng công nghệ, cơ giới hóa, quy trình chuẩn và vùng nguyên liệu tập trung, vừa phát triển thị trường thông qua truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu và chế biến sâu.

Nếu thị trường chưa sẵn sàng trả giá cao hơn, doanh nghiệp không thể chỉ chờ đợi mà phải tạo sự khác biệt và chứng minh được giá trị đó. Sản phẩm có mã số vùng trồng, nguồn gốc rõ ràng, chất lượng ổn định và thương hiệu đáng tin cậy sẽ có lợi thế hơn sản phẩm chỉ gắn nhãn "xanh". Con đường lâu dài là chuyển từ "sản xuất cái mình có" sang "sản xuất cái thị trường cần".

● **P.V:** ***Theo ông, nông nghiệp xanh ở Quảng Trị cần thay đổi điều gì để hình thành vùng nguyên liệu và chuỗi sản xuất đủ lớn, thay vì chỉ có những mô hình riêng lẻ?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Điều cần thay đổi lớn nhất là tổ chức sản xuất theo vùng, thay vì để từng hộ, hợp tác xã hay doanh nghiệp hoạt động riêng lẻ. Muốn hình thành vùng nguyên liệu đủ lớn, cần đồng bộ giống, lịch thời vụ, thủy lợi, cơ giới hóa, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, dữ liệu sản xuất và kế hoạch tiêu thụ.

● **P.V:** ***Thời gian tới, doanh nghiệp định hướng phát triển chuỗi nông nghiệp xanh như thế nào, thưa ông?***

- K.S Hồ Xuân Hiếu: SEPON định hướng xây dựng chuỗi theo hướng vùng nguyên liệu xanh-sản xuất thông minh-chế biến sâu-kinh tế tuần hoàn-thị trường có giá trị cao. Doanh nghiệp sẽ từng bước số hóa vùng nguyên liệu, tăng cơ giới hóa, tự động hóa, giảm đầu vào hóa học, tăng sử dụng phân hữu cơ và chế phẩm sinh học; đồng thời đưa phụ phẩm trở lại sản xuất để giảm chất thải, phát thải.

Điều doanh nghiệp mong muốn không phải Nhà nước làm thay mà là tháo gỡ đúng các điểm nghẽn: Hình thành vùng nguyên liệu tập trung; đồng bộ lịch thời vụ, thủy lợi; hoàn thiện dữ liệu nông nghiệp và truy xuất nguồn gốc; rút ngắn thủ tục đầu tư; tạo cơ chế thử nghiệm công nghệ mới và hỗ trợ kết nối thị trường.

● **P.V:** ***Từ thực tế hoạt động, ông có những đề xuất cụ thể nào?***



Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Cuba tại Việt Nam Rogelio Polanco Fuentes tham quan Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon, tháng 8/2026 - Ảnh: **P.X.D**

- K.S Hồ Xuân Hiếu: Chúng tôi đề xuất tỉnh nghiên cứu xây dựng gạo JO2 trở thành thương hiệu gạo chung của Quảng Trị, được sản xuất theo quy trình thống nhất, có truy xuất nguồn gốc và mức giá thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Xin nói đôi nét về gạo JO2. Đây là loại gạo chất lượng cao của Nhật, giống lúa này được du nhập vào Việt Nam và có bản quyền. Ưu điểm của nó là gạo dẻo, thơm ngon, người Nhật và Hàn Quốc rất thích ăn JO2. Giống lúa này cứng cây, chịu được hạn và thiên tai, năng suất khá cao khoảng 8tấn/ha, lại phù hợp với đồng ruộng Quảng Trị.

Quảng Trị có khoảng 55.000ha lúa mỗi vụ, hơn 70% dân số làm nông nghiệp, với giá trị sản xuất hơn 4.000 tỉ đồng/năm. Hầu hết các xã đều có diện tích trồng lúa, nhiều hợp tác xã hoạt động tốt, trong khi trường học, đơn vị quân đội, cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức có nhu cầu sử dụng gạo thường xuyên. Nếu hình thành cơ chế sử dụng gạo JO2 tại các bếp ăn tập thể và trong các chương trình an sinh xã hội, tỉnh có thể tạo đầu ra ổn định ngay trong tỉnh, giúp nông dân yên tâm sản xuất.

Chuỗi sản xuất có thể tổ chức theo hướng: Nông dân trồng JO2; tỉnh, doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết thu mua, sau đó sấy, chế biến, đóng gói và phân phối trong tỉnh trước khi mở rộng ra thị trường ngoài tỉnh. Mục tiêu không chỉ là tiêu thụ sản phẩm mà còn xây dựng thương hiệu gạo JO2 của Quảng Trị, giúp nông dân ổn định đầu ra, người tiêu dùng có sản phẩm rõ nguồn gốc và nâng cao giá trị hạt gạo địa phương.

● **P.V:** ***Xin cảm ơn ông!***

PHẠM XUÂN DŨNG *(thực hiện)*

Hương của đất, của cây và tình người

Có lẽ những câu thơ của nhà báo Huỳnh Dũng Nhân đủ sức nặng kéo tôi thêm một lần trở lại với vùng đất đỏ bazan phía Tây Quảng Trị: "Đêm Khe Sanh ký ức còn khói lửa/Mỗi sáng mai đã thơm phức cà phê... Khe Sanh ơi tôi xin hứa sẽ về!". Lặng lẽ, dấu chân tôi rải đều dưới rừng cà phê bạt ngàn. Rồi chọn cho mình một góc quán nhỏ bên đỉnh núi mây vờn, ngồi thưởng thức từng giọt đắng cà phê Khe Sanh chất chứa hương vị của đất, của cây, của tình người lắng đọng ngót trăm năm.

❑ NGÔ THANH LONG



Một gốc cây cà phê Mít đầu dòng tại vườn của anh Phan Đình Thông - Ảnh: **T.L**

Trăm năm tình cây và đất

Trước khi "ngược đường, ngược nắng" lên Khe Sanh, thủ phủ huyện Hướng Hóa trước đây, nơi được ví như một "tiểu Đà Lạt" giữa lòng Quảng Trị đầy nắng gió, tôi có dịp ngồi trò chuyện với tiến sĩ sử học Nguyễn Khắc Thái. Ông bảo rằng: "Thực ra, nếu lấy Khe Sanh làm tâm điểm về câu chuyện trăm năm cây cà phê bám chắc ở vùng đất đỏ bazan phía Tây Quảng Trị thì sâu hơn về phía Hướng Phùng mới được xem là thủ phủ cà phê, khi cây cà phê trồng ở đây chiếm đến 2/3 diện tích toàn tỉnh".

Anh Hà Ngọc Dương, Trưởng phòng Kinh tế, UBND xã Hướng Phùng, xác tín nhận định của tiến sĩ Nguyễn Khắc Thái: "Có những thời điểm diện tích cà phê Hướng Phùng lên đến 4.000ha, đó là những lúc cà phê được mùa, được giá. 100 năm trôi qua, cây cà phê lúc thăng, lúc trầm cùng thời cuộc, nhờ hương đất mặn mòi, nhờ tình người sâu lắng mà bám rễ sâu giữa bạt ngàn Trường Sơn. Hiện tại, xã Hướng Phùng có trên 2.500ha với 2 giống chủ lực, cà phê Chè (Arabica) và cà phê Mít (Liberica)".

Những ngày lang thang dưới tán rừng cà phê Hướng Phùng, tôi cảm nhận hai điều rất "vi diệu". Thứ nhất, điều giúp cây cà phê gắn chặt và có sức sống trường tồn tròn thế kỷ là công sức, mồ hôi của nhiều thế hệ đồng bào dân tộc thiểu số Bru-Vân Kiều, Pa Kô, những người xem cây cà phê như người bạn đồng hành vượt qua bao buồn, vui, sướng, khổ. Thứ hai, trong bối cảnh giống cà phê Chè lên ngôi mạnh mẽ thì cây cà phê Mít lặng lẽ "xác lập" cho mình một vị trí quan trọng trong tập quán canh tác của người dân và trong cách thưởng thức hương vị "riêng có" thương hiệu cà phê Khe Sanh của khách hàng sành điệu.

Tại bản Cheng, xã Hướng Phùng, tôi lạc vào một khu vườn cà phê Mít cổ thụ, những gốc cà phê xù xì xám mốc vươn lên, tỏa tán san sát nhau, ken dày cả một khoảng không gian bao la. Nhằm lúc vào mùa thu hoạch, từng quả cà phê chín mọng, lúng liếng giấu mình sau cánh lá. Chủ nhân vườn cà phê là Hồ Văn Sáu, người Bru-Vân Kiều thế hệ "8X". Để hái cà phê, Hồ Văn Sáu phải dùng thang trèo lên. Bởi thế, tôi phải mất chút thời gian, tôi mới tìm thấy Hồ Văn Sáu trên ngọn một gốc cà phê Mít nằm sâu giữa vườn.

Hồ Văn Sáu bảo: "Chẳng nhớ tuổi đời những gốc cà phê Mít trong vườn. Chắc chắn là gấp nhiều lần tuổi mình vì được trồng từ đời ông, sang đời bố, rồi giờ đến đời mình sở hữu. Nghe kể, trước đây cà phê Mít được trồng chỉ với một nhiệm vụ làm vành đai chắn gió cho người anh em cà phê Chè. Bây giờ cà phê Mít được mùa, được giá nên mình cố gắng bảo tồn khoảng 300 gốc; năm 2025 trồng thêm 500 gốc, cộng với 2ha cà phê Chè. Mỗi năm thu nhập hơn 300 triệu đồng".

Giống như Hồ Văn Sáu, Hồ Hữu Cần, một "triệu phú" người Bru-Vân Kiều ở bản Doa Cũ, cũng đang chăm sóc, bảo tồn hơn 1.000 gốc cà phê Mít có tuổi

đời trên 35 năm. Đồng bào Bru-Vân Kiều ở xã Hướng Phùng cho tôi biết điểm khác biệt lớn nhất giữa cà phê Mít với cà phê Chè là chu kỳ sinh trưởng dài hơn. Từ khi hoa nở đến lúc thu hoạch mất khoảng 12 tháng. Chính "độ trễ" tự nhiên của cây cà phê Mít cùng bộ rễ cổ thụ bám sâu vào lòng đất đỏ bazan giúp cây cà phê Mít chắt lọc tinh túy của đất để tạo ra thứ hương vị độc đáo, đậm đà. Thưởng thức ly cà phê Mít, người uống có thể cảm nhận chút vị chua thanh thoát... sau cùng là vị ngọt hậu sâu lắng chảy vào lòng người, quyến luyến khó quên.

Tình người lắng đọng

Tháng 3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị quyết định công nhận 69 cây cà phê Mít (gồm 47 cây cà phê Mít giống đỏ mận và 22 cây cà phê Mít giống tím) là cây đầu dòng. Bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chia sẻ rằng, việc công nhận cây cà phê Mít đầu dòng là kết quả của một quá trình nghiên cứu, theo dõi lâu dài đối với những cây có tuổi đời cao, sinh trưởng khỏe, tán cân đối, năng suất ổn định, chất lượng quả đồng đều và không bị nhiễm sâu bệnh. Mục tiêu bền vững là bảo tồn nguồn gen quý, từ đó nhân giống, từng bước hình thành vùng nguyên liệu cà phê Mít ổn định, chất lượng cao.

Những ngày ở xứ sở "tiểu Đà Lạt" Quảng Trị, tôi tìm về vườn cà phê của anh Phan Đình Thông tại thôn Bụt Việt, xã Hướng Phùng, 1 trong 2 hộ gia đình đang bảo tồn cây cà phê Mít đầu dòng. Một ngọn đồi cao chót vót, cà phê mênh mông trải đều từ chân đến đỉnh đồi với diện tích 5ha, trong đó có 1ha cà phê Mít. Như thế tính ra, cứ 1 gốc cà phê Mít sẽ cùng song hành với 4 gốc cà phê Chè mà lớn lên. Phan Đình Thông tạm tính, mỗi vụ cà phê, gia đình anh thu về từ 50-60 tấn quả. Riêng quả cà phê Mít đạt tiêu chuẩn sạch, giá bán gấp 3 lần quả cà phê Chè... "Như rứa, tiềm năng cà phê Mít đang rộng mở. Việc bảo tồn nguồn gen, tạo giống thuần chủng từ những gốc cà phê Mít đầu dòng sẽ giúp nhân rộng diện tích cà phê Mít toàn xã Hướng Phùng lên khoảng 500ha là mục tiêu chắc chắn đạt được trong tương lai gần", anh Thông khẳng định.

Xuôi theo đường Hồ Chí Minh nhánh Tây về phía Bắc, tôi gặp đồng bào Bru-Vân Kiều đi rẫy về, hỏi đường đến bản Xa Ry, những ánh mắt phụ nữ trong veo nhìn tôi hồn hậu, tiếng cười rộn cả một góc miền sơn cước. "Vì sao gọi tên bản là Xa Ry?", tôi hỏi. Một bà mế Vân Kiều bảo: "Thì đường đến bản xa, rất xa. Đi mãi không tới nên đồng bào nói với nhau... răng mà xa ri? Tên bản bắt đầu từ đó".

Ở Xa Ry, tôi dừng chân tại một quán cà phê nằm lưng chừng đồi, sát đường Hồ Chí Minh nhánh Tây-Pun Coffee. Chủ quán là đôi vợ chồng Phạm Hồng Phong, Lương Thị Ngọc Trâm. Giữa núi rừng Trường Sơn, giữa bạt ngàn sắc xanh cà phê, trong không gian Pun Coffee thoáng đãng, chủ-khách dường như xích lại gần nhau hơn khi cùng say sưa với câu chuyện về cà phê Khe Sanh, cà phê Hướng Phùng. Phạm Hồng Phong tỉ mẩn chọn từng hạt cà phê Mít, nhẹ nhàng cho vào rang, xay, pha, chế. Nhìn cái cách anh nâng niu chút bột cà phê thơm dìu dịu ủ vào ấm, chế nước rồi chiết thành ly cà phê vàng sóng sánh dành cho khách, sẽ thẩm thấu thứ triết lý cà phê ấm tình người chất chứa trong đó.

Với Lương Thị Ngọc Trâm, câu chuyện về cây cà phê sẽ đốt cháy cả thời gian. Tôi ngồi nghe chị kể say sưa, từ lúc mặt trời đứng ngọn sào đến khi chuyển dần về phía Tây, khuất sau ngọn núi mà vẫn chưa hết chuyện. Chị Trâm bảo, cây cà phê ở núi rừng Hướng Hóa xưa, trải qua bao thăng trầm ngót trăm năm, từng lăn lộn, quần quật với con người, vượt qua những tháng ngày cỗi cằn, khốn khó mới vươn hình hài lớn dậy được như ngày hôm nay. Vì thế, cây cà phê đã dâng cho đời một sản phẩm cà phê chất lượng, tròn vị, mang đặc trưng "riêng có" của xứ sở "tiểu Đà Lạt" Quảng Trị.

Thì rứa nhé, "Khe Sanh ơi, tôi xin hứa sẽ về!".



Bạt ngàn cây cà phê ở xã Hướng Phùng- Ảnh: T.L

TẢN VĂN

Mênh mang Nhật Lệ



❑ HOÀI THANH

Có những vùng biển người ta tìm đến để vui chơi, để ghi vài tấm ảnh rồi vội vã rời đi. Nhưng cũng có những vùng biển khiến bước chân tự nhiên chậm lại, lời nói bỗng ít đi, chỉ còn tiếng lòng âm thầm đối thoại với sóng. Với tôi, đó là Nhật Lệ, nơi dòng sông hòa vào biển cả, những con thuyền trở về sau một đêm dài lênh đênh, và những năm tháng tuổi thơ của tôi cũng được gửi lại trong từng con sóng.

Tôi vẫn tin rằng mỗi miền đất đều có một cách riêng để chạm vào con người. Có nơi khiến ta choáng ngợp bởi sự hùng vĩ, có nơi níu chân bởi vẻ trù phú. Còn Nhật Lệ không cố gắng trở thành điều gì lớn lao. Biển chỉ nằm đó, bình yên từ ngàn đời, lặng lẽ đón từng con sóng đi về, từng mùa gió đổi thay, từng bước chân người đến rồi đi. Chính sự bình thản ấy lại khiến lòng người khó rời bước.

Lần nào đứng trước biển, tôi cũng thích đến thật sớm, khi bình minh còn ngái ngủ phía cuối chân trời. Mặt trời từ từ nhô lên như một đốm lửa nhỏ, rồi lớn dần, nhuộm cả khoảng không thành màu hồng nhạt. Những con thuyền sau một đêm xa khơi lặng lẽ trở về, khoang đầy cá bạc lấp lánh dưới ánh sớm. Tiếng máy nổ hòa cùng sóng biển , tiếng gọi nhau của ngư dân, tiếng chim biển chao nghiêng... tất cả tạo thành một bản tình ca không cần nhạc trưởng, chỉ có nhịp điệu của đời sống. Tôi nhớ nhất những buổi sớm ở bến cá dưới chân cầu Nhật Lệ. Khi mặt trời vừa nhô khỏi biển, những chiếc thuyền nối nhau cập bến, tiếng người trả giá xen lẫn tiếng cười, tiếng gọi í ới, mùi cá tươi quyện với vị mặn của gió biển. Chỉ vài giờ sau, bến lại trở nên thưa vắng như chưa từng có một phiên chợ. Mỗi lần nhớ quê, điều hiện về trước tiên trong tôi không chỉ là sóng, mà còn là nhịp sống bình dị ấy.

Tôi từng nghĩ biển là nơi rộng nhất. Nhưng rồi có lúc nhận ra, thứ rộng hơn cả mặt biển là lòng người biết yêu thương, biết chờ đợi. Nhìn những người đàn bà đứng trên bờ ngóng thuyền cập bến, tôi hiểu rằng biển không chỉ nuôi sống con người bằng tôm cá. Biển còn thử thách lòng kiên nhẫn, dạy con người cách gửi niềm tin vào những con sóng không thể đoán định. Có lẽ vì thế mà người miền biển thường ít nói về gian khó. Họ học được từ biển sự bền bỉ và đứng dậy sau mỗi lần vỡ tan.

Tôi thích đi chân trần trên cát khi nắng chưa gắt. Cát Nhật Lệ mịn đến mức mỗi bước chân đều như được ôm lấy. Dấu chân vừa in xuống đã nhanh chóng bị sóng xóa nhòa. Thuở nhỏ, tôi từng tiếc nuối vì những dấu chân ấy biến mất quá nhanh. Lớn lên mới hiểu, biển không xóa đi kỷ niệm. Biển chỉ nhắc rằng chẳng điều gì thuộc về mình mãi mãi. Điều còn lại không phải là dấu chân trên cát, mà là những gì đã lắng xuống trong trái tim.

Có những chiều, tôi ngồi thật lâu nhìn mặt trời chầm chậm chìm xuống phía xa. Ánh hoàng hôn trải lên mặt nước một con đường dát vàng, dài như dẫn đến một miền ký ức. Người ta thường nói biển buồn vào lúc chiều muộn. Tôi lại thấy biển đang lắng nghe. Mỗi con sóng xô vào bờ rồi rút ra như mang theo một phần nặng nhọc của con người, để khi đứng trước biển, ai cũng thấy lòng mình nhẹ hơn một chút.

Tôi đã đi qua nhiều vùng biển, có nơi nước xanh hơn, cát mịn hơn nhưng mỗi lần nhớ về biển, trong tôi vẫn hiện lên Nhật Lệ với vẻ đẹp không phô bày. Giống như một người bạn cũ, chẳng cần nói điều gì hoa mỹ, chỉ cần ngồi cạnh cũng đủ thấy bình yên. Có lẽ vẻ đẹp bền lâu chưa bao giờ đến từ sự rực rỡ. Nó đến từ khả năng ở lại trong ký ức của con người.

Người ta bảo thời gian làm phai nhạt mọi thứ. Nhưng thời gian dường như bất lực trước tiếng sóng. Bao thế hệ lớn lên bên bờ Nhật Lệ, rồi rời quê đi học, đi làm, đi đến những thành phố đông đúc. Đến một ngày, chỉ cần nghe đâu đó tiếng sóng hoặc thoảng qua mùi muối mặn, cả một vùng trời tuổi thơ bỗng hiện về nguyên vẹn. Cầu Nhật Lệ vẫn lặng lẽ bắc qua dòng sông như một chứng nhân của bao cuộc trở về. Mỗi lần đi qua nơi ấy, tôi có cảm giác mình không chỉ trở lại một vùng đất, mà đang trở về với một phần tuổi thơ đã gửi lại nơi này. Hóa ra quê hương không chỉ nằm trên bản đồ. Quê hương còn nằm trong một âm thanh, một làn gió, trong vị mặn rất khẽ mà suốt đời con người vẫn mang theo.

Tôi yêu Nhật Lệ không chỉ vì màu nước xanh hay bãi cát dài. Tôi yêu cả những mái chèo sẫm màu nắng gió, những bàn tay chai sần kéo lưới, những gương mặt rám nắng luôn ánh lên niềm tin vào ngày mai. Mỗi người dân nơi đây đều như một hạt muối nhỏ. Riêng lẻ thì mong manh, nhưng góp lại làm nên vị mặn của biển, vị mặn của quê hương và của những tháng năm không thể nào quên.

Rời Nhật Lệ, tôi mang theo ít cát còn vương nơi gấu quần, chút gió còn đọng trong mái tóc và rất nhiều tiếng sóng cất giữ trong tim. Có những điều tưởng đã bỏ lại phía sau, nhưng hóa ra vẫn đồng hành cùng ta suốt cuộc đời. Giống như biển, vẫn âm thầm ở đó, không níu kéo, không hứa hẹn, chỉ lặng lẽ chờ mỗi người trở về khi lòng cần một nơi để bình yên - nơi có một khoảng xanh dịu dàng đang vỗ sóng.



Khu vực nuôi trồng thủy sản khu vực Vũng Chùa - Đảo Yến nhìn từ trên cao - Ảnh: **T.L**



Cánh đồng Hạc Hải - Ảnh: **NGUYỄN HẢI**